



DỰ ÁN HỖ TRỢ HỢP TÁC KINH TẾ KHU VỰC CHÂU Á (SRECA)

SỔ TAY

ĐẶC ĐIỂM SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ CHÍN LOẠI TRÁI CÂY TƯƠI TẠI TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

*(Tài liệu tham khảo đính kèm Cẩm nang
Hướng dẫn xuất khẩu trái cây tươi sang thị trường Trung Quốc)*

Hà Nội, tháng 12 năm 2020

CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI, BỘ CÔNG THƯƠNG - VIETRADE
Trung tâm ứng dụng công nghệ (INTEC)

 20 Lý Thường Kiệt, Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

 +84 3936 8461  intec@vietrade.gov.vn

 <http://www.vietrade.gov.vn/>;

Thông tin ấn phẩm

Xuất bản bởi

Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

Trụ sở chính

Bonn và Eschborn, CHLB Đức

Dự án: Hỗ trợ Hợp tác kinh tế khu vực Châu Á (SRECA)

Bộ Công Thương

Cục Xúc tiến thương mại (VIETRADE)

20 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm Hà Nội

T +84 04 3934 7628

E vietrade@vietrade.gov.vn

I <http://www.vietrade.gov.vn/>

Văn phòng Dự án

Việt Nam:

Dự án GIZ Hội nhập kinh tế Khu vực ASEAN

L2-A Làng hoa Thụy Khuê

Số 14 Thụy Khuê, quận Tây Hồ Hà Nội, Việt Nam

T + 84 24 3237 3639

Trung Quốc:

Tayuan Diplomatic Office Building 1-14-1

Liangmahe Nanlu No 14

Beijing 100600, Chaoyang District

T + 86 10 8532 1857 F + 86 10 8532 5774

E sreca@giz.de

I www.connecting-asia.org

I www.giz.de/en/worldwide/34101.html

VIETRADE

Trung tâm Ứng dụng công nghệ thông tin xúc tiến

thương mại (INTEC)

T +84 3936 8461

I www.intec.gov.vn

Biên soạn bởi:

Phó giáo sư – Tiến sĩ Đào Ngọc Tiến – Trường Đại học Ngoại Thương

Thạc sĩ Lương Ngọc Quang – Cục Bảo vệ Thực vật – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tiến sĩ Nguyễn Thu Hằng – Trường Đại học Ngoại thương

Thiết kế

Mercury

Bản quyền ảnh

© Mercury (Trang bìa)

Miễn trừ pháp lý

Những quan điểm và ý kiến được thể hiện trong ấn phẩm bởi tác giả không phản ánh quan điểm của tổ chức. Thay mặt cho Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Cộng hòa Liên bang Đức (BMZ), GIZ chịu trách nhiệm cho nội dung ấn phẩm này.

Sổ tay được biên soạn và sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ thiệt hại phát sinh bởi thông tin sai trong sổ tay.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

5

THUẬT NGỮ VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT

7

CHƯƠNG I. QUẢ XOÀI

8

1.1 Tình hình sản xuất và tiêu dùng quả xoài tươi ở Trung Quốc

9

1.2 Nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu trái xoài tươi của Trung Quốc

12

1.3 Tình hình sản xuất, cung ứng xoài và cấp mã số vùng trồng xoài của Việt Nam

13

1.4 Tình hình xuất khẩu xoài của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

16

CHƯƠNG II. QUẢ DƯA HẤU

17

2.1 Tình hình sản xuất và tiêu dùng dưa hấu ở thị trường Trung Quốc

18

2.2 Nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu trái dưa hấu tươi của Trung Quốc

20

2.3 Tình hình sản xuất và cung ứng dưa hấu của Việt Nam

22

2.4 Tình hình xuất khẩu dưa hấu của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

24

CHƯƠNG III. QUẢ CHÔM CHÔM

26

3.1 Tình hình sản xuất và tiêu dùng chôm chôm của thị trường Trung Quốc

27

3.2 Nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu trái chôm chôm tươi của Trung Quốc

27

3.3 Tình hình sản xuất và cung ứng chôm chôm của Việt Nam

29

3.4 Tình hình xuất khẩu chôm chôm của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

32

CHƯƠNG IV. QUẢ CHUỐI

34

4.1 Tình hình sản xuất và tiêu dùng ở thị trường Trung Quốc

35

4.2 Nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu quả chuối tươi của Trung Quốc

37

4.3 Tình hình sản xuất và cung ứng chuối của Việt Nam

39

4.4 Tình hình xuất khẩu chuối quả tươi của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

42

CHƯƠNG V. QUẢ MĂNG CỤT

44

5.1 Tình hình sản xuất và tiêu dùng trái măng cụt của thị trường Trung Quốc

45

5.2 Nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu trái măng cụt của Trung Quốc

45

5.3 Tình hình sản xuất và cung ứng măng cụt của Việt Nam

45

5.4 Tình hình xuất khẩu măng cụt của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

47

CHƯƠNG VI. QUẢ MÍT

48

6.1 Tình hình sản xuất và tiêu dùng mít của thị trường Trung Quốc

49

6.2 Nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu quả mít tươi của Trung Quốc

49

6.3 Tình hình sản xuất và cung ứng mít của Việt Nam

50

6.4 Tình hình xuất khẩu mít của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

52

CHƯƠNG VII. QUẢ NHẪN

53

7.1 Tình hình sản xuất và tiêu dùng nhãn tươi của thị trường Trung Quốc

54

7.2 Nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu nhãn tươi của Trung Quốc

54

7.3 Tình hình sản xuất và cung ứng nhãn của Việt Nam

55

7.4 Tình hình xuất khẩu nhãn của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

58

CHƯƠNG VIII. QUẢ THANH LONG

59

8.1 Tình hình sản xuất và tiêu dùng quả thanh long của thị trường Trung Quốc

60

8.2 Nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu quả thanh long tươi của Trung Quốc

60

8.3 Tình hình sản xuất và cung ứng thanh long của Việt Nam

61

8.4 Tình hình xuất khẩu thanh long của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

65

CHƯƠNG IX. QUẢ VẢI

67

9.1 Tình hình và tiêu dùng quả vải tươi của thị trường Trung Quốc

68

9.2 Nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu quả vải của Trung Quốc

69

9.3 Tình hình sản xuất và cung ứng quả vải của Việt Nam

70

9.4 Tình hình xuất khẩu vải của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

73

LỜI MỞ ĐẦU

Trung Quốc được coi là thị trường xuất khẩu lớn nhất, quan trọng và tiềm năng cho trái cây tươi của Việt Nam. Trong khuôn khổ Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Trung Quốc (ACFTA), đến nay Trung Quốc đã giảm thuế cho hơn 8.000 mặt hàng nhập khẩu từ Việt Nam trong đó có trái cây tươi, mở ra nhiều cơ hội để các doanh nghiệp tiếp cận thị trường rộng lớn này. Tuy nhiên, do thiếu hiểu biết về yêu cầu của hiệp định ACFTA và hạn chế thông tin về thị trường Trung Quốc, nhiều doanh nghiệp Việt Nam vẫn có thói quen xuất khẩu trái cây tươi sang Trung Quốc theo nhiều kênh giao thương không chính ngạch. Việc này làm cho các doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn, rủi ro và lợi nhuận thu về thường thấp. Từ ngày 1/5/2018, phía Trung Quốc đã áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc nông sản (trong đó có trái cây nhập khẩu) một cách chặt chẽ hơn từ nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Ngoài ra, trong bối cảnh dịch Covid-19 hiện nay, Trung Quốc tiếp tục siết chặt quản lý hải quan và hoạt động buôn bán biên giới. Vấn đề này đặt ra cho các doanh nghiệp Việt Nam cần phải nâng cao hiểu biết quy định và thị trường Trung Quốc, đồng thời chuyển sang xuất khẩu trái cây qua con đường chính ngạch để giảm thiểu rủi ro, bền vững và lâu dài.

Dự án Vùng “Hỗ trợ Hợp tác kinh tế khu vực châu Á” (Support of Regional Economic Cooperation in Asia - SRECA) do Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển CHLB Đức (BMZ) tài trợ, được thực hiện bởi Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ) nhằm xây dựng năng lực cho khối tư nhân ở các quốc gia Cam pu chia, Lào và Việt Nam (khu vực Đông Nam Á) và Mông Cổ (Bắc Á), giúp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tận dụng được các cơ hội từ hiệp định ACFTA để xuất khẩu thành công nông sản sang thị trường Trung Quốc. Trong khuôn khổ triển khai dự án SRECA cùng với sự hợp tác chặt chẽ từ Cục xúc tiến thương mại- Bộ công Thương (VIETRADE), **Cẩm nang hướng dẫn xuất khẩu trái cây tươi vào thị trường Trung Quốc** được xây dựng cho chín loại trái cây mà Việt Nam được xuất khẩu chính ngạch vào Trung Quốc gồm quả Vải thiều, Nhãn, Dưa hấu, Thanh long,

Chôm chôm, Chuối, Mít, Xoài, Mãng cụt. Bên cạnh đó, cuốn sổ tay “**Đặc điểm sản xuất và tiêu thụ 09 loại trái cây tươi ở Trung Quốc và Việt Nam**”, được tách riêng khỏi Cẩm nang hướng dẫn xuất khẩu, sẽ cung cấp các thông tin tham khảo về tình hình sản xuất, nhu cầu tiêu thụ và thói quen tiêu dùng của người Trung Quốc, cũng như thông tin về tình hình sản xuất, cung ứng, xuất khẩu 09 loại trái cây này của Việt Nam.

Cả hai cuốn gồm “**CẨM NANG hướng dẫn xuất khẩu trái cây tươi vào thị trường Trung Quốc**” và cuốn “**SỔ TAY Đặc điểm và nhu cầu thị trường Trung Quốc đối với 09 loại trái cây**” này do nhóm chuyên gia gồm PGS.TS Đào Ngọc Tiến, ThS. Lương Ngọc Quang và TS. Nguyễn Thu Hằng cùng phối hợp thực hiện, với sự hỗ trợ, phối hợp chặt chẽ và đóng góp ý kiến của nhiều cá nhân và các đơn vị có liên quan.

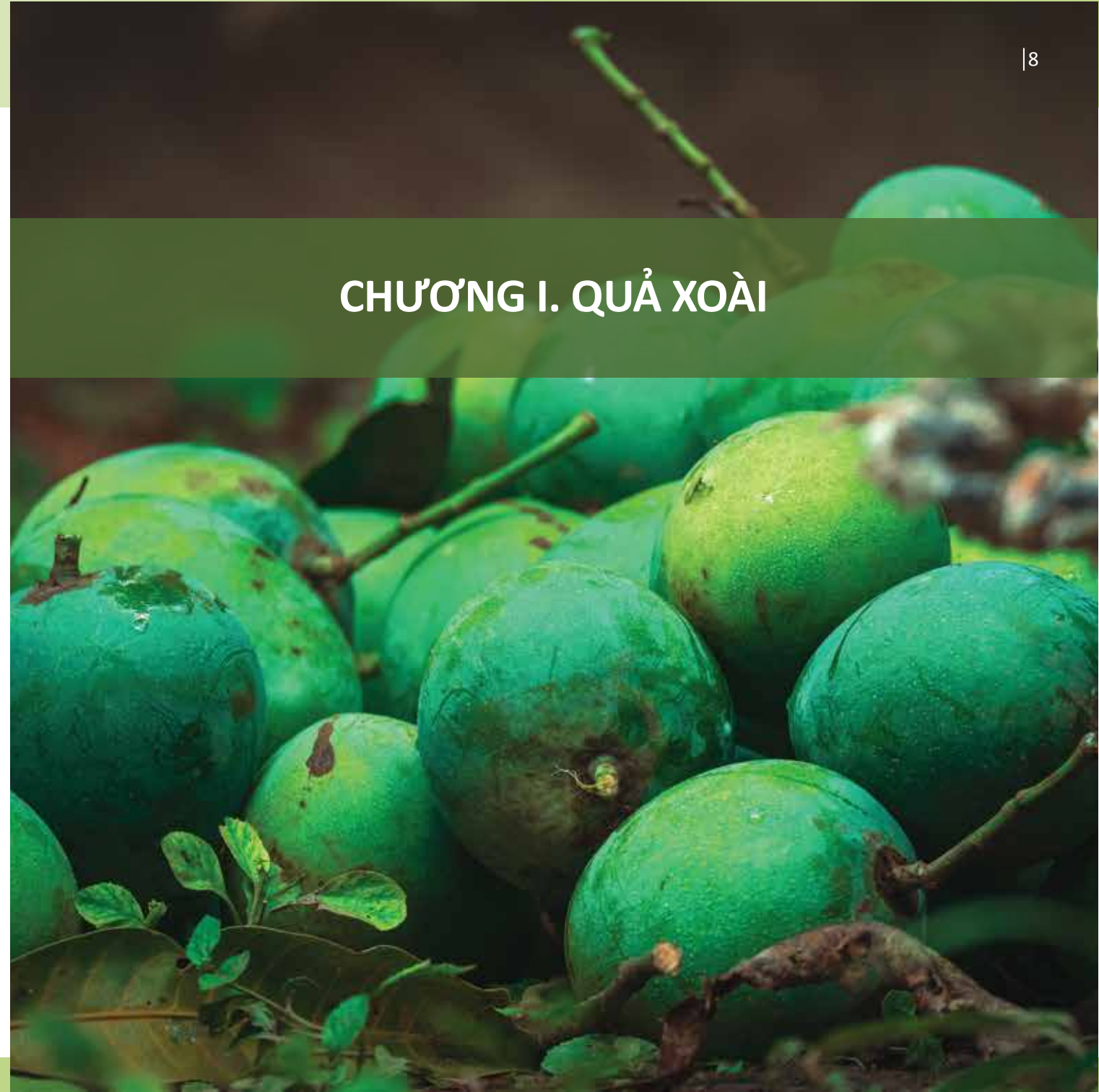
Xin chân thành cảm ơn các chuyên gia Cục Xúc tiến thương mại (VIETRADE), Trường Đại học Ngoại thương, Cục Bảo vệ thực vật - Bộ NN&PT-NT, Chi Cục Hải quan Tân Thanh, Chi cục Hải quan Hữu Nghị, tỉnh Lạng Sơn, Trung tâm Xúc tiến Thương mại các tỉnh, cán bộ hải quan về những ý kiến đóng góp quý báu góp phần nâng cao chất lượng cuốn Cẩm nang hướng dẫn. Xin cảm ơn các doanh nghiệp xuất khẩu trái cây tươi, doanh nghiệp logistics đã dành thời gian quý báu tham gia phỏng vấn và cung cấp thông tin cần thiết cho Cẩm nang hướng dẫn. Xin cảm ơn sự hỗ trợ quý báu của Bộ Hợp tác và Phát triển Kinh tế (BMZ) Đức, Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ), Dự án Vùng “Hỗ trợ Hợp tác kinh tế khu vực châu Á” (SRECA) và Cục Xúc tiến thương mại (VIETRADE).



THUẬT NGỮ VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT

BNN&PTNT	Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn
BVTV	Bảo vệ thực vật
BMZ	Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển CHLB Đức (BMZ)
GIZ	Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức
KDTV	Kiểm dịch thực vật
SRECA	Dự án Vùng “Hỗ trợ Hợp tác kinh tế khu vực châu Á”
VIETRADE	Cục xúc tiến thương mại - Bộ Công Thương

CHƯƠNG I. QUẢ XOÀI



1.1 Tình hình sản xuất và tiêu dùng quả xoài tươi ở Trung Quốc

Quả xoài chứa nhiều đường, protein, chất xơ thô và caroten (tiền chất của vitamin A) chứa trong xoài đặc biệt cao mà hiếm loại trái cây nào có được. Ngoài việc dùng tươi, xoài còn được chế biến bằng cách sấy khô, làm nước ép, làm mứt, v.v...

Xoài là cây ưa khí hậu ấm, không chịu lạnh và chịu được sương giá. Nhiệt độ tối ưu cho cây sinh trưởng là 25 - 30°C sinh trưởng chậm dưới 20°C, lá và chùm hoa sẽ ngừng phát triển dưới 10°C, trái gần chín sẽ bị rết. Vì vậy, vùng sản xuất xoài chính của Trung Quốc tập trung ở Quảng Tây, Quảng Đông, Hải Nam, phía nam Phúc Kiến, một phần của Tứ Xuyên và Đài Loan. Trong đó sản lượng xoài ở Quảng Tây và Hải Nam chiếm hơn 50% sản lượng xoài cả nước¹. Xoài đã trở thành một trong các cây trồng quan trọng ở nhiều tỉnh của Trung Quốc, đóng vai trò rất lớn trong việc thúc đẩy nông dân ở các khu vực đó thoát khỏi đói nghèo.



Ảnh: pixabay.com

(1) Theo ước tính của Zhiyan Intelligence Research Group

Bảng 1: Khu vực trồng xoài và các giống xoài chính của Trung Quốc

Tỉnh/ Khu vực	Quận/ Huyện trồng chính	Các giống xoài chính
Quảng Tây	Điền Dương, Điền Đông, Hữu Giang	Tainoung No.1, Guire No.82, Red Ivory, Guifei, Jinhwang, Guire No.10, Renong No.1,
Vân Nam	Hoa Bình, Bảo Sơn, Hồng Hà, Tư Mao, Nguyên Giang	Keitt, Guifei, Sannian, Nang Klangwan, JinHwang,
Hải Nam	Tam Á, Lạc Đông, Đông Phương, Xương Giang, Lăng Thủy	Guifei, Jinhwang, Tainoung No.1, Nang Klangwan, Taiya, Sensation
Tứ Xuyên	Phàn Chi Hoa	Keitt, Sensation, Renong No.1
Đài Loan	Đài Nam, Cao Hùng, Bình Đông	Irwin, Local Mango, Jinhwang, Tainoung No.1
Quảng Đông	Trạm Giang, Mậu Danh	Tainoung No.1, Dashehari, Jinhwang
Quý Châu	Vọng Mô, La Điện, Hưng Nghĩa	Guire No.82, Keitt, Red Ivory, Guifei, Jinhwang, Hongyu, Sensation
Phúc Kiến	Phủ Điền, Phúc Châu, Chương Châu	Jinhwang, Honghua, Irwin

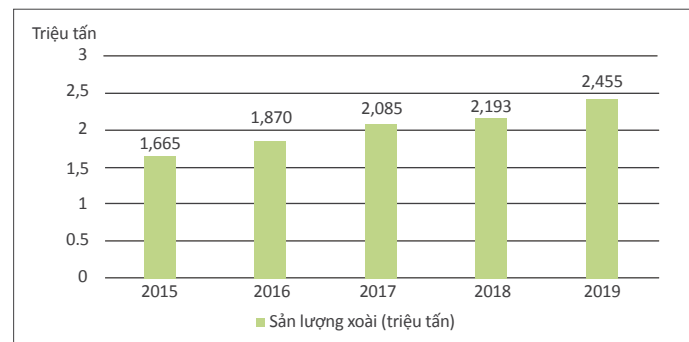
Nguồn: Gao A, Chen Y, Luo R, Huang J, Zhao Z, Wang W, Wang Y, Dang Z (2020) *Development Status of Chinese Mango Industry in 2018*

Theo đặc điểm khí hậu, tình hình sản xuất và xu hướng phát triển của quả xoài ở các vùng sản xuất khác nhau của Trung Quốc, có thể chia các vùng trồng xoài tại Trung Quốc thành khu vực xoài chín sớm, chín giữa và chín muộn. Nhờ kỹ thuật điều chỉnh mùa vụ và kết hợp giữa giống xoài, điều kiện khí hậu giữa các vùng trồng mà xoài có thể được sản xuất và cung ứng quanh năm tại Trung Quốc.

Đặc điểm	Khu vực	Thời gian thu hoạch (tháng)													
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
Chín sớm	Phía nam- tây nam của Hải Nam, bán đảo Lôì Châu của Quảng Đông, Lưu vực sông Hồng Hà ở Vân Nam và phía nam của Đài Loan	■													■
Chín giữa	Thung lũng sông Hữu Giang của Quảng Tây, lưu vực sông Nộ Giang - Lan Thương ở Vân nam					■									
Chín muộn	Lưu vực, thung lũng khô nóng sông Kim Sa, Tứ Xuyên - Vân Nam, phía tây nam Quý Châu và Phía nam Phúc Kiến								■						

Sản lượng xoài của Trung Quốc tăng đều trong giai đoạn 2015-2019. Năm 2019 đạt 2,455 triệu tấn, tăng gần 12% so với năm 2018.²

Biểu đồ 1: Sản lượng xoài của Trung Quốc giai đoạn 2015-2019

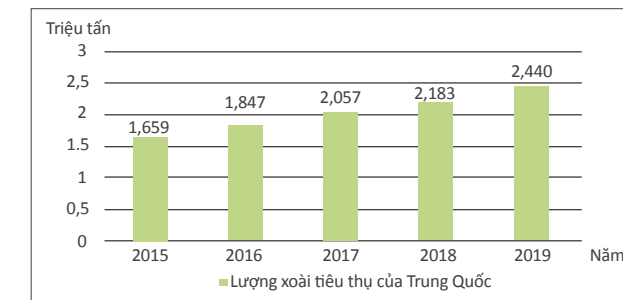


Nguồn: Zhiyan Intelligence Research Group

(2) Theo ước tính của Zhiyan Intelligence Research Group

Trung Quốc không chỉ là nước sản xuất xoài lớn mà còn là nước tiêu thụ lớn. Năm 2018, lượng xoài tiêu thụ của Trung Quốc là 2,18 triệu tấn, năm 2019, lượng xoài tiêu thụ đạt 2,44 triệu tấn, tăng gần 12% so với năm 2018. (xem biểu đồ 2)

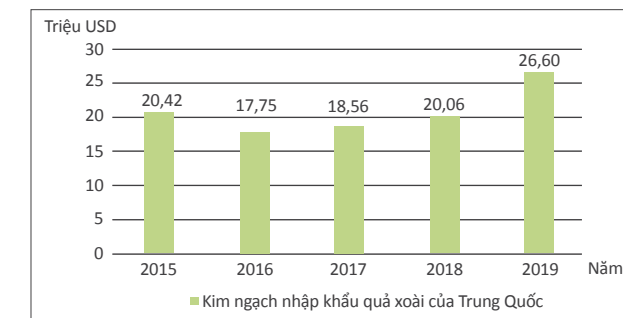
Biểu đồ 2: Lượng xoài tiêu thụ của Trung Quốc giai đoạn 2015-2019



Nguồn: Zhiyan Intelligence Research Group

1.2. Nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu trái xoài tươi của Trung Quốc.

Biểu đồ 3: Kim ngạch nhập khẩu quả xoài (Mã HS: 08045020) của Trung Quốc giai đoạn 2015-2019

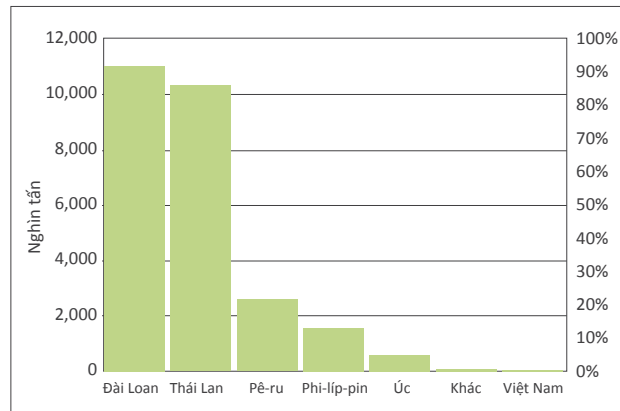


Nguồn: Tổng hợp từ ITC (2020)

Kim ngạch nhập khẩu xoài của Trung Quốc có xu hướng tăng trong giai đoạn 2015-2019. Đáng chú ý, năm 2019, kim ngạch nhập khẩu xoài đạt 26,6 triệu USD, tăng mạnh 32,6% so với năm 2018.

Trung Quốc nhập khẩu xoài chủ yếu từ Đài Loan, Thái Lan, Pê-ru, chiếm lần lượt 41,78%, 38,99% và 9,98% kim ngạch nhập khẩu xoài năm 2019 của Trung Quốc. Trong khi đó, Việt Nam chỉ chiếm 0,3% dù nằm trong top 6 nước xuất khẩu quả xoài lớn nhất vào Trung Quốc năm 2019. Xoài Việt Nam được đánh giá là khá ngon, vị dễ ăn, tuy nhiên lại có nhược điểm là vỏ mỏng, chất lượng chưa đồng đều nên vẫn khó cạnh tranh với xoài Thái Lan, Pê-ru và Đài Loan.

Biểu đồ 4: Cơ cấu kim ngạch nhập khẩu xoài của Trung Quốc theo các nước xuất khẩu năm 2019



Nguồn: Tổng hợp từ ITC (2020)

1.3. Tình hình sản xuất, cung ứng xoài và cấp mã số vùng trồng xoài của Việt Nam

Ở Việt Nam, là xoài được trồng từ lâu đời trên nhiều vùng sinh thái khác nhau nhưng phân bố chủ yếu vẫn là các tỉnh phía Nam. Ở phía Nam, vùng Duyên hải Nam Trung bộ với Khánh Hòa và Bình Thuận có diện tích xoài lớn nhất, Đông Nam Bộ với Đồng Nai và Tây Ninh, vùng

Đồng bằng Sông Cửu Long trồng xoài tập trung tại các tỉnh Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long, Tiền Giang và Hậu Giang. Tại phía Bắc, Trung du miền núi phía Bắc là vùng xoài lớn nhất, chủ yếu tại tỉnh Sơn La. Trong đó yếu tố mùa vụ xoài không đồng nhất giữa các tỉnh thành trồng xoài. Cụ thể, chính vụ của xoài khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long đến sớm trước tháng 4, tháng 6- 7 là chính vụ xoài của tỉnh Sơn La và tỉnh Khánh Hòa. Việc không đồng nhất này góp phần tạo cơ hội cho xoài trên cả nước ra thị trường không phải cạnh tranh lẫn nhau.

Tính đến năm 2019:

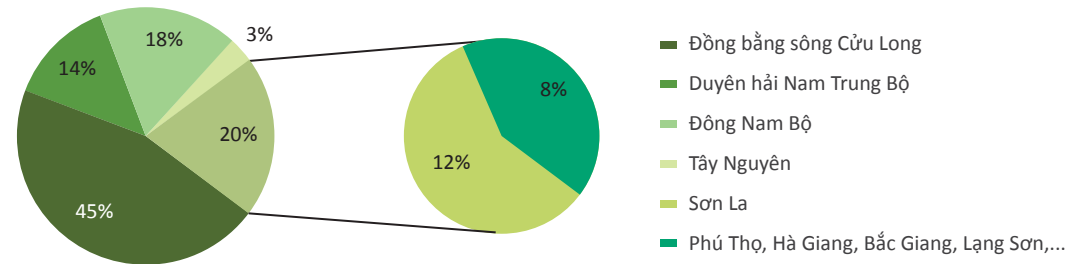
- Diện tích trồng xoài của cả nước khoảng 105.000 ha,
- Sản lượng hơn 840.000 tấn/năm.
- Việt Nam đứng thứ 13 về sản xuất xoài trên thế giới.

Các tỉnh có lợi thế phát triển xoài theo hướng hàng hóa lớn theo tiêu chuẩn VietGAP như Đồng Nai, Đồng Tháp, Tiền Giang, Vĩnh Long, An Giang, Hậu Giang, Khánh Hòa...

Đối với xoài Việt Nam, chúng ta chỉ trồng chuyên canh tại một số địa phương, còn lại 95% diện tích xoài là vườn cây hỗn hợp (trồng chung với cây khác). Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến năng suất thấp, tuy sản lượng xoài đạt khá hơn nhưng xoài cùng kích cỡ, màu sắc, trọng lượng rất ít nên chỉ tiêu thụ trong nước, việc xuất khẩu không đáng kể. Ngoài ra còn có thực trạng cây giống kém, trồng quảng canh nên chất lượng không cao, tiêu thụ khó.

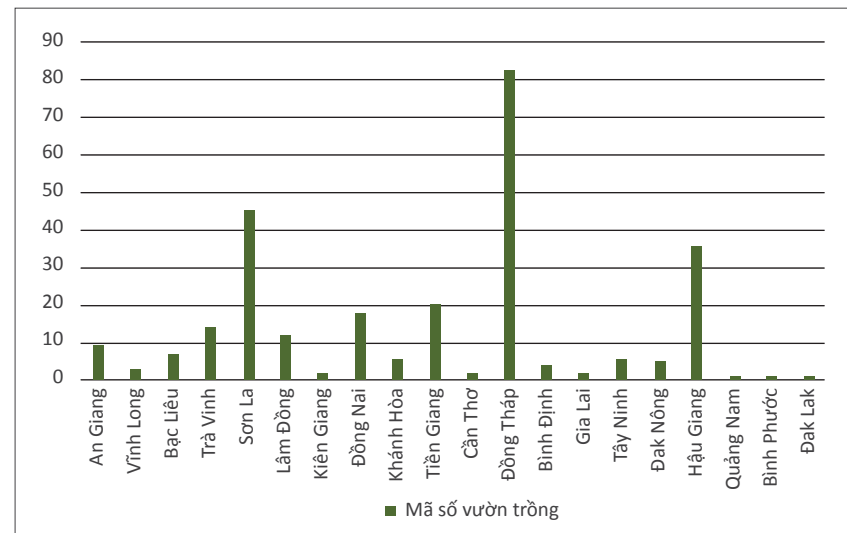
Theo báo cáo của Báo Chạm Khánh Hòa (2020), có 46 giống xoài được trồng ở Việt Nam chủ yếu có nguồn gốc từ Ấn Độ ngoại trừ một số loại như Xoài Úc; xoài Đài Loan, trong đó các giống trồng thương mại bao gồm xoài cát Hoà Lộc, xoài Cát Chu, xoài Hòn, xoài Xiêm nùm, xoài Bưởi, xoài Cát bồ, xoài Thanh ca, xoài Canh Nông, xoài Yên Châu, xoài tứ quý và xoài Úc. Nhiều nơi đã hình thành những vùng trồng tập trung như xoài Cát Chu (Đồng Tháp), xoài Cát Hòa Lộc (Tiền Giang), xoài Xiêm Nùm (Vĩnh Long), xoài Úc (Khánh Hòa), xoài Đài Loan (An Giang).

Biểu đồ 5: Diện tích trồng xoài ở một số vùng sản xuất của Việt Nam



Nguồn: Cục bảo vệ thực vật (2019)

Biểu đồ 6: Số lượng vườn xoài được cấp mã số tại các tỉnh



(Nguồn: Cục Bảo vệ thực vật (7/2020))

1.4. Tình hình xuất khẩu xoài của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

Bảng 1: Xuất khẩu xoài của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc giai đoạn 2015-2019

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Kim ngạch xuất khẩu (nghìn USD)	0	0	85	875	81
Tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc (%)	0	0	0,45	4,36	0,3

Nguồn: Tổng hợp từ ITC (2020)

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), từ năm 2015-2019, xuất khẩu xoài của Việt Nam sang Trung Quốc có xu hướng tăng. Những năm gần đây, Việt Nam đã xuất khẩu xoài sang một số thị trường như: Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và châu Âu. Trong đó, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu xoài lớn nhất của Việt Nam (chiếm 84,6% tổng giá trị xuất khẩu). Năm 2019, xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc được 437.315 tấn xoài. Trong 5 tháng đầu năm 2020, tổng kim ngạch xuất khẩu xoài của Việt Nam đạt 162,2 triệu USD, tăng 9,4% so với năm 2019, trong đó riêng thị trường Trung Quốc tăng 10% so với cùng kỳ năm 2019.



Ảnh: pixabay.com

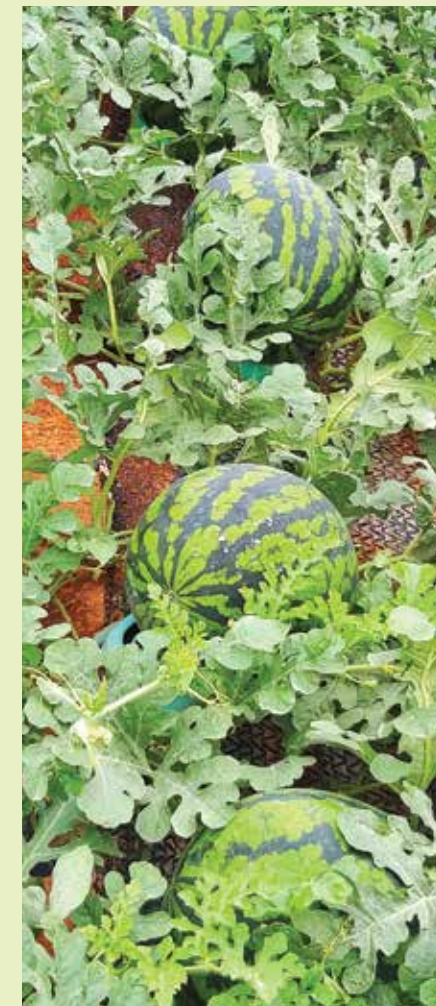
CHƯƠNG II. QUẢ DƯA HẦU

2.1. Tình hình sản xuất và tiêu dùng dưa hấu ở thị trường Trung Quốc

Tình hình sản xuất

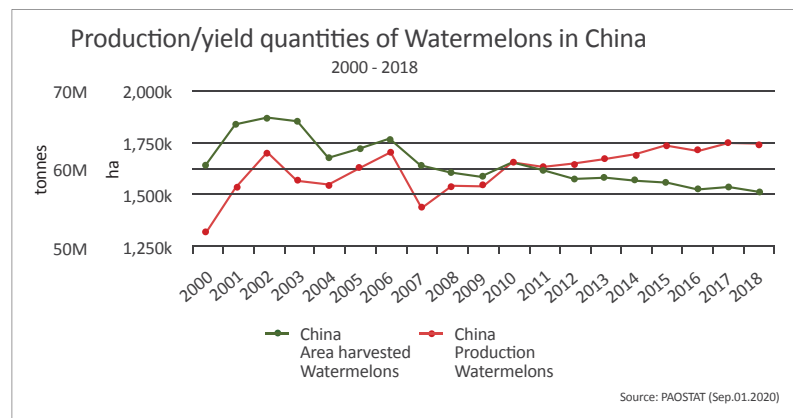
Hiện nay có 22/31 tỉnh, thành phố của Trung Quốc có diện tích canh tác dưa hấu. Đáng chú ý, các điểm sản xuất nhỏ lẻ nông sản nói chung, dưa hấu nói riêng tại Trung Quốc đã và đang được thay thế bằng những vùng trồng lớn, có điều kiện tự nhiên phù hợp. Các chuyên gia Trung Quốc coi đây là xu hướng tất yếu của nền nông nghiệp hiện đại: vừa có thể áp dụng cơ giới hóa và công nghệ cao trong sản xuất, giúp tăng năng suất và sản lượng; vừa đảm bảo chất lượng và đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng Trung Quốc về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc.

Theo Vụ thị trường Châu Á - Châu Phi, tính đến đầu năm 2019, diện tích trồng dưa hấu tại Trung Quốc đạt khoảng 2 triệu ha, chiếm tỷ trọng 10% tổng diện tích trồng cây ăn quả, rau màu của cả Trung Quốc. Sản lượng bình quân khoảng 73-75 triệu tấn/năm. Năm 2018 được giá dẫn đến diện tích trồng dưa hấu năm 2019 của Trung Quốc tăng gấp đôi, tuy nhiên do thời tiết sương lạnh khiến sản lượng sụt giảm so với 2018.



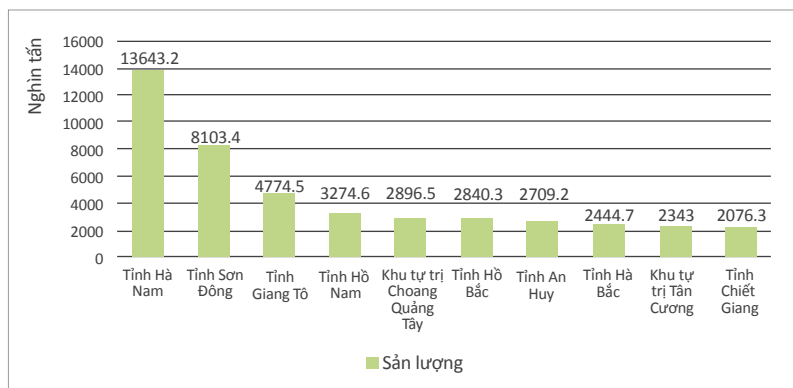
Ảnh: commons.wikimedia.org

Biểu đồ 7: Biểu đồ sản lượng và diện tích sản xuất dưa hấu của Trung Quốc từ 2000-2018



Nguồn: FAOSTAT (2020)

Biểu đồ 8: Sản lượng tại một số vùng trồng lớn dưa hấu lớn của Trung Quốc năm 2018



Nguồn: Tổng hợp từ Cục thống kê Trung Quốc

Về mùa vụ:

Thu hoạch dưa hấu tại Trung Quốc cũng kéo dài từ cuối tháng 4 đến khoảng tháng 9 hàng năm, lịch không nhiều so với mùa vụ thu hoạch dưa hấu của Việt Nam. Hải Nam là địa phương vào vụ dưa sớm nhất, tiếp đó là Quảng Tây, Chiết Giang, Giang Tô, Sơn Đông... Do đó, thị trường Trung Quốc có xu hướng tăng cường nhập khẩu dưa hấu trong giai đoạn từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau.

Đặc điểm tiêu dùng

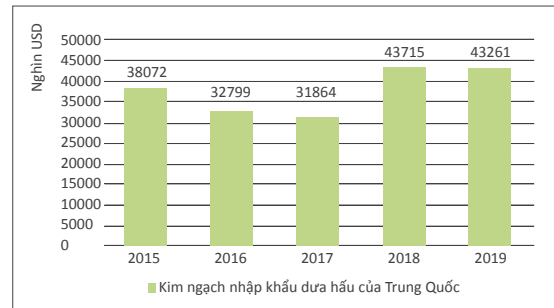
Về thói quen tiêu dùng, dưa hấu tươi tại Trung Quốc thường được dùng làm thức ăn tráng miệng hoặc ép làm nước quả. Trước đây, người Trung Quốc thường ưa dùng dưa hấu trong mùa hè để thanh nhiệt giải độc. Tuy nhiên, do điều kiện sinh hoạt ngày càng được nâng cao, nhu cầu của người Trung Quốc (nhất là người miền Bắc) ngày càng đa dạng và có xu hướng thích sử dụng dưa hấu vào dịp Tết Nguyên đán (dưa hấu có màu đỏ, màu của sự may mắn theo quan niệm của người Trung Quốc). Người tiêu dùng Trung Quốc cũng thường lựa chọn trái dưa nhỏ vừa phải với trọng lượng khoảng 03 - 04 kg/quả. Chúng loại được người tiêu dùng Trung Quốc ưa dùng là Hắc Mỹ nhân.

2.2. Nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu trái dưa hấu tươi của Trung Quốc

Trung Quốc thuộc nhóm các quốc gia đứng đầu thế giới về sản xuất cũng như tiêu thụ dưa hấu. Theo số liệu từ FAO năm 2018, sản lượng dưa hấu sản xuất nội địa của Trung Quốc là hơn 79 triệu tấn trong khi nhu cầu tiêu thụ của người dân hơn 70 triệu tấn. Trung Quốc chủ yếu nhập khẩu để đáp ứng thị trường trong nước bên cạnh xuất khẩu lượng nhỏ khoảng vài chục nghìn tấn.

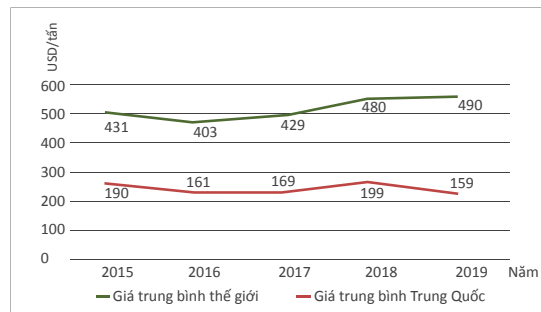


Ảnh: commons.wikimedia.org

Biểu đồ 9: Biểu đồ kim ngạch nhập khẩu dưa hấu của Trung Quốc giai đoạn 2015 – 2019

Nguồn: ITC (2020)

Năm 2019, do thời tiết sương lạnh khiến sản lượng dưa hấu sản xuất trong nước sụt giảm so với 2018 nên Trung Quốc tăng cường nhập khẩu so với 2018 với sản lượng nhập khẩu là 43.261 tấn. Tốc độ tăng trưởng sản lượng nhập khẩu dưa hấu tươi giai đoạn 2015 - 2019 là 7% trong khi tốc độ tăng trưởng giá trị nhập khẩu giai đoạn 2015-2019 là 6%, từ 2018-2019 có giảm nhẹ (1%) do ảnh hưởng bởi thời tiết khiến dưa hấu mất giá.

Biểu đồ 10: Biểu đồ giá dưa hấu nhập khẩu trung bình của Trung Quốc giai đoạn 2015 - 2019

Nguồn: ITC (2020)

Nhìn chung, so với giá trung bình trên thế giới, dưa hấu Trung Quốc nhập khẩu với giá tương đối rẻ.

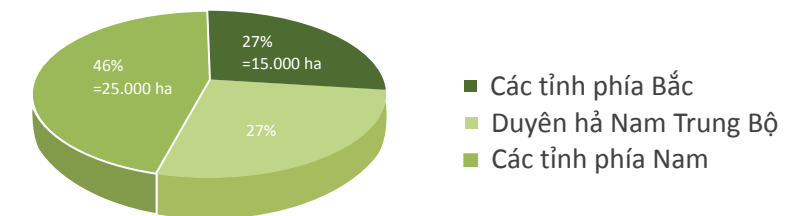
Hiện Trung Quốc đang nhập khẩu dưa hấu chủ yếu từ 2 quốc gia: Việt Nam và Myanmar chiếm lần lượt 95,5% và 4,5% thị phần tại thị trường Trung Quốc. Bên cạnh đó, có nguồn nhập khẩu từ Malaysia tuy nhiên kim ngạch không duy trì ổn định, giá rất cao và thị phần không đáng kể.

2.3. Tình hình sản xuất và cung ứng dưa hấu của Việt Nam

a) Diện tích canh tác

Hàng năm tổng diện tích trồng dưa hấu cả nước khoảng 55.000 ha, với diện tích có thể thu hoạch là 51.883 ha (năm 2018) phân bố theo như sau:

- Các tỉnh phía Bắc khoảng 15.000 ha (27%), diện tích tập trung chủ yếu tại Hải Dương, Bắc Giang, Nghệ An, Hòa Bình trong vụ Xuân.
- Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ: khoảng 15.000 ha (27%), diện tích tập trung chủ yếu tại Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai, Lâm Đồng.
- Các tỉnh miền Nam: khoảng 25.000 ha (46%), diện tích tập trung chủ yếu tại Long An, Tiền Giang, Hậu Giang, Cần Thơ.

Biểu đồ 11: Diện tích trồng dưa hấu Việt Nam năm 2019

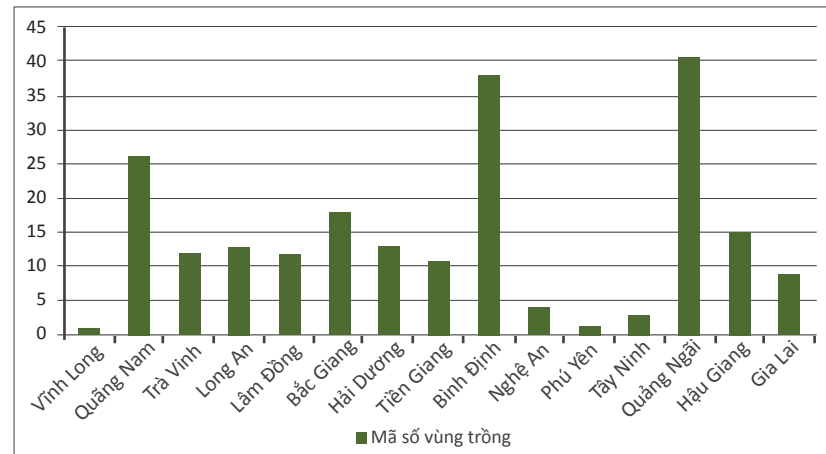
Nguồn: Theo tính toán của tác giả (2019)

b) Thời vụ

Vụ Đông Xuân, diện tích gieo trồng dưa hấu trên cả nước đạt khoảng 18.000 ha (chiếm 30% tổng diện tích gieo trồng); Diện tích còn lại 37.000 ha được gieo trồng vào các vụ khác trong năm, đôi khi gối nhau liên tục.

- **Vụ đông xuân:** Gieo trồng hai đợt: Đợt 1 từ 5/10 dương lịch đến 15/10 dương lịch với đợt này sẽ cho thu hoạch vào đợt Noel tùy từng giống dưa. Đợt 2 gieo từ 10/11 đến 20/11 dương lịch, với đợt gieo này dưa sẽ cho thu hoạch vào dịp Tết nguyên đán. Mỗi loại giống dưa cần được tìm hiểu để có kế hoạch gieo trồng tốt nhất.
- **Vụ xuân hè:** Gieo từ tháng 2 dương lịch, và có thể thu hoạch vào khoảng cuối tháng 4 dương lịch. Hoặc có thể gieo sớm hơn vào đầu tháng 12 dương lịch của năm trước.

Biểu đồ 12: Số lượng vùng trồng dưa hấu được cấp mã số tại các tỉnh



Nguồn: Cục Bảo vệ thực vật (7/2020)

2.4. Tình hình xuất khẩu dưa hấu của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

Bảng 2: Xuất khẩu dưa hấu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Kim ngạch xuất khẩu (nghìn USD)	37.345	32.090	31.530	43.342	41.293
Tỷ trọng trong kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc (%)	98	97,8	98,95	99,15	95,45

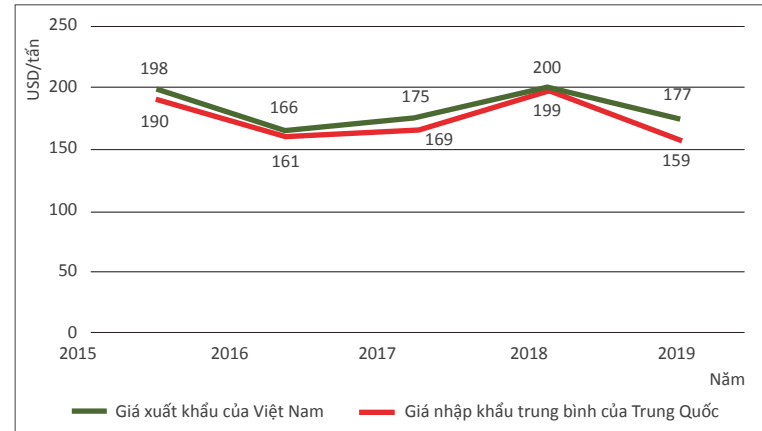
Nguồn: Tổng hợp từ ITC (2020) (*Dưa hấu sử dụng HS 080711)

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), từ năm 2015-2019, xuất khẩu dưa hấu của Việt Nam sang Trung Quốc có xu hướng tăng, trung bình mỗi năm tăng 2,64%. Năm 2019, kim ngạch xuất khẩu dưa hấu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc là 41.293 nghìn USD, chiếm hơn 95% trong tổng kim ngạch nhập khẩu dưa hấu của Trung Quốc. Mặc dù năm 2019 kim ngạch xuất khẩu dưa hấu của Việt Nam vào Trung Quốc tăng so với cùng kỳ năm 2015, tuy nhiên, lại giảm 4,74% so với năm 2018. Điều này có thể lý giải bởi Trung Quốc bắt đầu thực hiện những quy định nghiêm ngặt hơn đối với các mặt hàng nông sản và trái cây nhập khẩu từ Việt Nam từ giữa năm 2018. Trong 6 tháng đầu năm 2020, do sự ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, dưa hấu của Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn để có thể xuất khẩu vào quốc gia này, với kim ngạch xuất khẩu rất khiêm tốn, tháng 04/2020, kim ngạch xuất khẩu đạt 1.927 nghìn USD và đến tháng 05/2020 giảm 90% chỉ còn 176 nghìn USD.



Ảnh: pixabay.com

Biểu đồ 13: Giá dưa hấu Việt Nam xuất khẩu và giá dưa hấu nhập khẩu trung bình tại thị trường Trung Quốc giai đoạn 2015 – 2019



*Nguồn: Tổng hợp từ ITC (2020) (*Dưa hấu sử dụng HS 080711)*

Giá xuất khẩu dưa hấu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc giai đoạn 2015-2019 có xu hướng giảm, giảm 10,6% từ 198 USD/tấn (năm 2015) xuống 177 USD/tấn (năm 2019). Đây cũng là xu hướng của giá dưa hấu Trung Quốc nhập khẩu từ thế giới và so với mức giá nhập khẩu trung bình từ thế giới thì giá dưa hấu Trung Quốc nhập khẩu từ Việt Nam vẫn cao hơn.

Tuy nhiên, giá xuất khẩu dưa hấu của Việt Nam vào Trung Quốc lại thấp hơn so với giá Việt Nam xuất khẩu sang một số thị trường khác như Phần Lan là 6.857 USD/tấn (năm 2019), sang Nga là 3.200 USD/tấn (năm 2019). Nguyên nhân có thể do dưa hấu Việt Nam xuất khẩu còn nhỏ lẻ, manh mún, phần lớn là buôn bán tiểu ngạch nên bị thương lái chèn ép giá. Sự chênh lệch này đang dần được cải thiện do người xuất khẩu ngày càng có những hiểu biết rõ ràng hơn về các quy định, quy trình xuất khẩu với quy mô lớn hơn sang thị trường Trung Quốc theo hướng chính ngạch.

CHƯƠNG III. QUẢ CHÔM CHÔM

3.1. Tình hình sản xuất và tiêu dùng chôm chôm của thị trường Trung Quốc

Chôm chôm chứa nhiều vitamin và khoáng chất, có tác dụng thanh nhiệt, giải độc và nâng cao khả năng miễn dịch của cơ thể. Ngoài ra, chôm chôm có hàm lượng vitamin C cao, giúp nuôi dưỡng làn da và có tác dụng làm tóc. Bên cạnh đó, đây là loại quả rất giàu chất sắt có tác dụng chữa chóng mặt và huyết áp thấp rất tốt.

Bản chất và hương vị của nó là ngọt và ấm, thịt có mùi thơm, ngọt, dày và mọng nước, và một số người gọi nó là vải thiều của Lĩnh Nam, Trung Quốc, và nó thậm chí còn có biệt danh là vải thiều lông.

Chôm chôm là một loại trái cây nhiệt đới, được trồng với diện tích tương đối nhỏ ở Trung Quốc, chủ yếu ở huyện Baoting, tỉnh Hải Nam và diện tích trồng khoảng 22,11 ha. Những nơi khác như Tam Á, Lingshui, Ledong và các thành phố, quận khác chỉ trồng được một phần.

Về mùa vụ: Cây chôm chôm trưởng thành phát triển chậm, 3-4 lần/ năm ra chồi mới. Ra hoa từ tháng 2 đến tháng 4 hàng năm, mùa quả chín từ tháng 6 đến tháng 8. Cây 20 năm tuổi có thể cho 100-125kg quả.

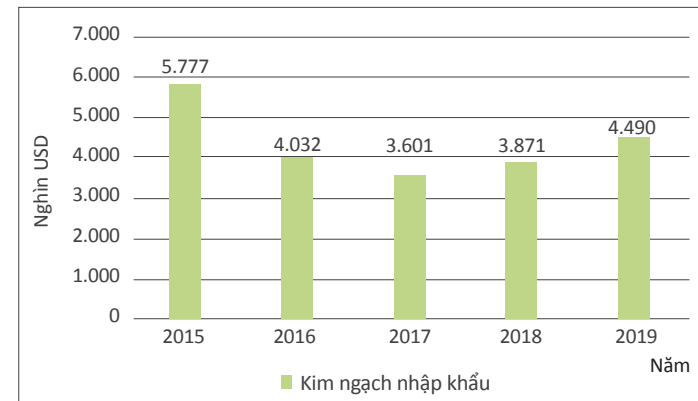
3.2. Nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu trái chôm chôm tươi của Trung Quốc

Trong giai đoạn 5 năm, kim ngạch nhập khẩu chôm chôm của Trung Quốc có xu hướng giảm mạnh, trung bình mỗi năm giảm 4,46%. Năm 2019, kim ngạch nhập khẩu đạt 4.490 nghìn USD, giảm 22,7% so với năm 2015, tuy nhiên tăng 16% so với năm 2018.



Ảnh: pixabay.com

Biểu đồ 14: Kim ngạch nhập khẩu chôm chôm của Trung Quốc giai đoạn 2015 - 2019 (HS 080109040)



Nguồn: Tổng hợp từ ITC (2020)

Bảng 3. Giá trị nhập khẩu chôm chôm từ một số thị trường chính của Trung Quốc giai đoạn 2015 - 2019

Đơn vị tính: 1000 USD

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Thái Lan	2248	3729	3540	3858	4346
Việt Nam	3.529	303	57	13	144

Nguồn: ITC (2020)

Hiện nay Trung Quốc nhập khẩu chôm chôm từ rất ít quốc gia, chủ yếu từ Thái Lan và Việt Nam chiếm lần lượt 96% và 4% năm 2019. Trong giai đoạn 5 năm, kim ngạch nhập khẩu chôm chôm của Trung Quốc từ Việt Nam giảm mạnh, từ 3.529 nghìn USD năm 2015 còn 144 nghìn USD năm 2019, giảm 96%.

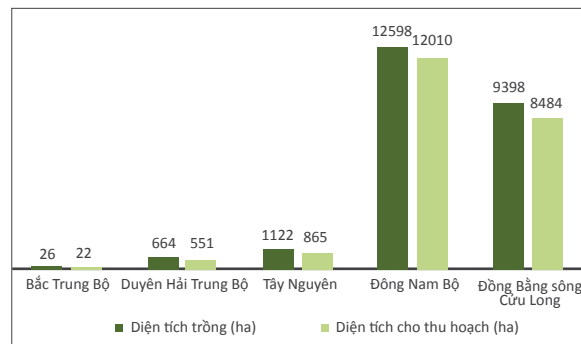
3.3. Tình hình sản xuất và cung ứng chôm chôm của Việt Nam

Hiện nay, chôm chôm được trồng phổ biến ở miền Nam tại các tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long, Tiền Giang, Đồng Nai, Bình Dương... với các giống như: Chôm chôm Java, chôm chôm nhãn và chôm chôm Rong riêng...

Trong những năm gần đây, năng suất và chất lượng chôm chôm không ngừng tăng lên nhờ việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, tăng cường đầu tư thâm canh, sản xuất theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP).

Từ 2008 đến năm 2018: Diện tích chôm chôm tăng với tốc độ chậm, (từ 23 nghìn ha lên 24,6 nghìn ha); tuy nhiên sản lượng tăng nhanh (từ 226 nghìn tấn lên 339 nghìn tấn) do năng suất được cải thiện rõ rệt từ 107,9 tạ/ha lên đến 149 tạ/ha. Chôm chôm được trồng tập trung ở các tỉnh miền Nam Trung Bộ của nước ta, với diện tích khoảng 14.200 ha, sản lượng xấp xỉ 100 nghìn tấn (chiếm 42% diện tích và 62% sản lượng hôm cả nước). Các tỉnh có diện tích chôm chôm lớn là Đồng Nai (10.711 ha), Bến Tre (5.330 ha), Vĩnh Long (2.574 ha).

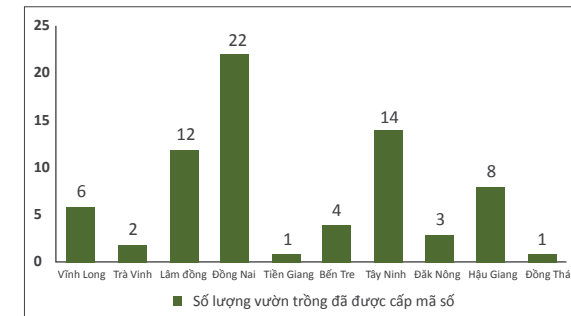
Biểu đồ 15: Diện tích chôm chôm tại các vùng ở Việt Nam năm 2019



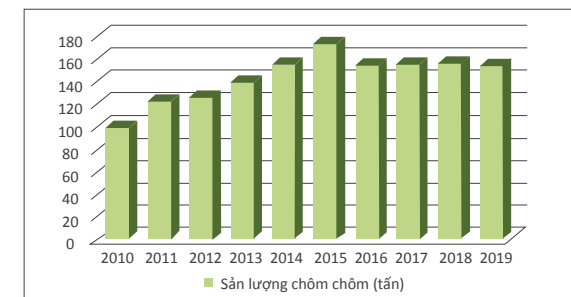
Nguồn: Bộ Nông nghiệp

Thời gian qua, nhiều tỉnh áp dụng trồng rải vụ chôm chôm. Việc rải vụ chôm chôm tạo điều kiện tốt cho tiêu thụ, giá cao, hiệu quả sản xuất cao hơn đồng thời giảm áp lực đầu ra khi sản lượng tập trung vào chính vụ, do vậy giá chôm chôm ổn định, hiệu quả sản xuất rải vụ cao hơn chính vụ cũng được người dân thực hiện khá thành công góp phần nâng cao giá trị chôm chôm (Nguồn: Cục Trồng trọt, 2019).

Biểu đồ 16: Số lượng vùng trồng chôm chôm được cấp mã số tại các tỉnh



Biểu đồ 17: Sản lượng chôm chôm vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2010 - 2019



Nguồn: Bộ Nông nghiệp (2019)

Việt Nam đang xuất khẩu chôm chôm sang một số thị trường như: Trung Quốc, EU, New Zealand, Các Tiểu vương quốc Ả Rập, Hoa Kỳ... trong đó 70% sản lượng chôm chôm xuất khẩu sang Trung Quốc. Giá trị xuất khẩu chôm chôm Việt Nam liên tục tăng từ 0,64 triệu USD năm 2010 lên 11,6 triệu USD năm 2015 và 13,7 triệu USD năm 2016. Sản xuất chôm chôm Việt Nam có lợi thế xuất khẩu nhờ việc sản xuất nghịch vụ tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Nguồn Cục Trồng trọt, 2019). Đối với thị trường Trung Quốc, trong năm 2019, Việt Nam đã xuất khẩu gần 43 nghìn tấn chôm chôm với giá trị xuất khẩu chỉ tính riêng tháng 8/2019 đạt hơn 1,3 triệu USD.³

Chôm chôm có rất nhiều giống, tuy nhiên ở Việt Nam có ba giống chính: chôm chôm Java, chôm chôm Thái và chôm chôm nhãn. Trong đó, chôm chôm Java chiếm 70% diện tích trồng cả nước, tập trung chủ yếu ở vùng Đông Nam Bộ, Đồng bằng Sông Cửu Long với năng suất cao (cây 4 năm tuổi có thể cho thu hoạch khoảng 40kg/cây/năm, cây trên 15 năm tuổi tại các tỉnh Đông Nam Bộ cho năng suất khoảng 300-400kg/ cây /năm) định hướng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc. Giống chôm chôm Thái cũng cho năng suất tương đối cao (cây 4 năm tuổi có thể cho thu hoạch khoảng 45kg/cây/năm) với mức giá bán cao hơn chôm chôm Java. Chôm chôm nhãn có diện tích trồng nhỏ hơn với mức năng suất thấp (cây 5 năm tuổi cho khoảng 10kg/cây/năm và cây 15 năm tuổi ở ĐBSCL cho năng suất 50-70kg/ cây/năm). Giá thu mua tại vườn khác nhau tùy thuộc vào từng giống. Chôm chôm Java giá dao động từ 8.000 – 16.000đ/kg và chôm chôm nhãn giá từ 12.000 – 30.000đ/kg. Riêng chôm chôm Thái, do được đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường, nên giá thu mua từ 28.000 – 45.000đ/kg.



(3) Viện chính sách và chiến lược PTNT, 2020

Ảnh: pixabay.com

3.4. Tình hình xuất khẩu chôm chôm của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

Bảng 4: Xuất khẩu chôm chôm của Việt Nam sang Trung Quốc (2015 - 2019)

2015		2016		2017		2018		2019	
Kim ngạch (nghìn USD)	Tỷ trọng (%)	Kim ngạch (nghìn USD)	Tỷ trọng (%)	Kim ngạch (nghìn USD)	Tỷ trọng (%)	Kim ngạch (nghìn USD)	Tỷ trọng (%)	Kim ngạch (nghìn USD)	Tỷ trọng (%)
3.529	61,1	303	7,5	57	1,6	13	0,3	144	3,2

Nguồn: Tổng hợp từ ITC (2020) (*Chôm chôm sử dụng HS 08109040)

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), từ năm 2015-2019, xuất khẩu chôm chôm của Việt Nam sang Trung Quốc giảm mạnh qua các năm, chạm đáy vào năm 2018 và đang có xu hướng tăng trưởng trở lại vào sau năm 2019. Cùng với đó, tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng kim ngạch nhập khẩu chôm chôm của Trung Quốc bị thay thế bởi thị phần của Thái Lan (96,8% năm 2019) và chỉ còn đáp ứng được 3,2% nhu cầu nhập khẩu của nước này. Năm 2016, kim ngạch xuất khẩu chôm chôm của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc ghi nhận mức giảm sâu cả về kim ngạch và sản lượng là cơ hội để Thái Lan tăng tỷ trọng trong giá trị nhập khẩu của chôm chôm của Trung Quốc từ 38,9% lên đến 92,5%. Trong vòng 5 năm (2015-2019) giá trị xuất khẩu chôm chôm của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc giảm đi hơn 94%. Lượng chôm chôm xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tập trung nhiều vào các tháng đầu năm và giảm trong các tháng tiếp theo do nguồn cung nội địa của nước này phục hồi.

Xuất khẩu chôm chôm của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc giai đoạn 2015-2019 ít có sự biến động lớn về giá, trung bình đạt 0,65 USD/kg. Trong khi đó, mức giá xuất khẩu của Thái Lan sang thị

trường Trung Quốc có sự cải thiện tương đối qua các năm, từ 2,59 USD/kg (năm 2015) lên 2,63 USD/kg (năm 2019), tăng 0,04 USD/kg. Theo số liệu từ ITC, giá xuất khẩu chôm chôm trung bình trong giai đoạn 2015-2019 của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc chỉ bằng ¼ so với giá của Thái Lan. Nguyên nhân có thể do chôm chôm Việt Nam xuất khẩu mới được đưa vào thị trường Trung Quốc, xuất khẩu còn nhỏ lẻ, manh mún, chưa có sức cạnh tranh cao, phần lớn là buôn bán tiểu ngạch nên bị thương lái chèn ép giá.



Ảnh: pixabay.com

CHƯƠNG IV. QUẢ CHUỐI



Ảnh: unplash.com

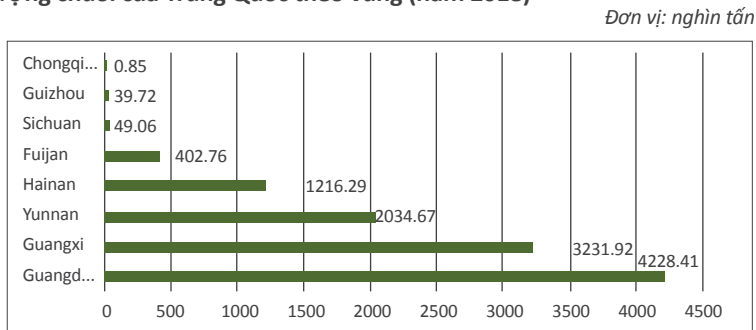
4.1. Tình hình sản xuất và tiêu dùng ở thị trường Trung Quốc

Chuối là một trong những trái cây ưa thích, là món ăn tráng miệng phổ biến của người Trung Quốc, là nguyên liệu để chế biến nhiều món ăn khác như bánh, mứt, và đặc biệt là loại quả dùng nhiều trong thờ cúng. Giống chuối được trồng cũng như tiêu thụ nhiều nhất tại Trung Quốc là giống chuối tiêu.⁴

Do điều kiện khí hậu thổ nhưỡng, vùng trồng chuối của Trung Quốc chủ yếu tập trung tại các tỉnh phía nam Trung Quốc gồm Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Hải Nam và Phúc Kiến

Về mùa vụ: Không giống với các loại trái cây khác, chuối là loại quả có quanh năm. Tuy nhiên, vẫn có sự khác biệt về nguồn cung chuối giữa các địa phương của Trung Quốc do khác biệt về thời tiết, giống, v.v..⁵

Biểu đồ 18: Sản lượng chuối của Trung Quốc theo vùng (năm 2018)



Nguồn: Statista (2020)

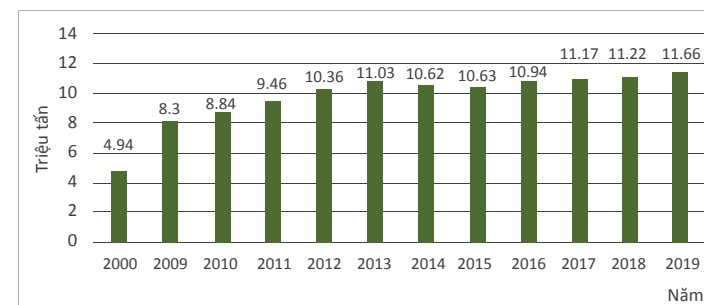
Sản lượng chuối ngày càng gia tăng trong thập kỷ qua (2010-2019). Từ năm 2014, tốc độ tăng trưởng sản lượng chuối tại Trung Quốc đang chững lại. Năm 2019, Trung Quốc là quốc gia sản xuất chuối lớn thứ 2 thế giới, với sản lượng chuối đạt khoảng 11,66 triệu tấn. Sản lượng này phần lớn là để phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng nội địa Trung Quốc.⁶

(4) FAO, 2019

(5) Vụ thị trường châu Á - châu Phi, Bộ Công Thương: <http://moit.gov.vn/web/guest/-tin-chi-tiet/-chi-tietthong-tin-dien-bien-thi-truong-chuoi-tai-trung-quoc-11211-401.html>

(6) FAO, 2019

Biểu đồ 19: Sản lượng chuối sản xuất tại Trung Quốc

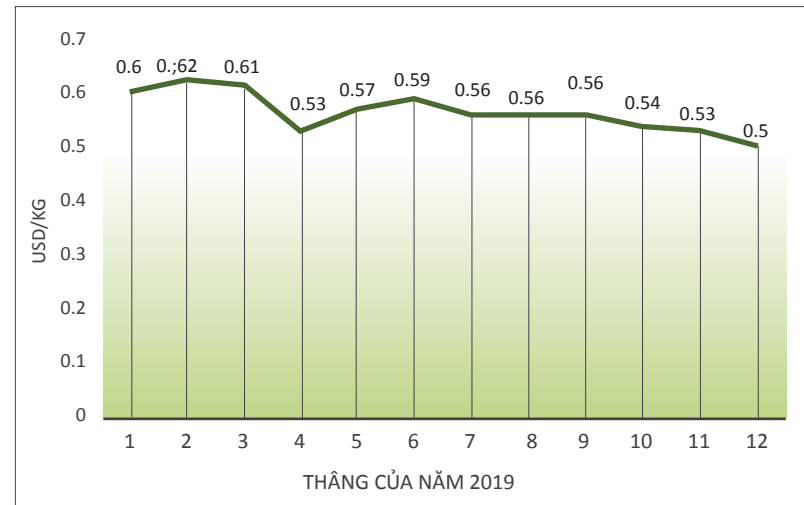


Nguồn: Statista (2020)

Xu hướng tiêu dùng chuối quả trong năm của người tiêu dùng Trung Quốc	
Trong hai tháng đầu năm	Thường được giá do ảnh hưởng nhu cầu tiêu thụ của Tết Âm lịch, giá chuối cao.
Tháng 3	Giá chuối trên thị trường thường giảm do nguồn cung tăng từ địa phương chuyên canh chuối như Vân Nam, Hải Nam khi thời tiết ấm dần lên. Bên cạnh đó nguồn cung từ Myanmar, Lào cũng vào vụ.
Đến tháng 4 và 5	Giá thường ổn định và có thể tăng nhẹ do thời điểm này nhu cầu tiêu thụ chuối khá ổn định. Tuy nhiên, từ trung tuần tháng 5 trở đi, chuối tại Vân Nam, Lào, Myanmar vào cuối vụ; Nguồn cung chuối chất lượng cao ra thị trường giảm và chủ yếu là từ Hải Nam.
Tháng 6 đến tháng 9	Khu vực chuối tại Hải Nam vào cuối vụ, khu vực Quảng Đông, Phúc Kiến thay thế trở thành nguồn cung chính bởi thời điểm này vào mùa mưa bão nên giá chuối dao động theo diễn biến thời tiết. Vì thế người nông dân cũng thường có xu hướng cố gắng thu hoạch sớm trước mùa mưa bão.
Tháng 9 đến tháng 11	Chủ yếu là nguồn cung chuối từ Quảng Tây. Với chất lượng được đánh giá khá cao do không bị ảnh hưởng của bệnh vàng lá hay thời tiết nên giá chuối Quảng Tây tương đối cao và ổn định.
Tháng 12 đến đầu năm tiếp theo	Là thời điểm nguồn cung và chủng loại hoa quả (trong đó có chuối) tại Trung Quốc đều thiếu do thời tiết giá lạnh nên giá cả thường tăng cao.

Giá nhập khẩu chuối của Trung Quốc trong năm 2019 có xu hướng giảm dần theo từng tháng, xu hướng giá này cũng phản ánh đúng xu hướng tiêu dùng trong năm của người Trung quốc về chuối quả tươi (xem chi tiết trong biểu đồ 19).

Biểu đồ 20: Diễn biến giá nhập khẩu chuối theo tháng của Trung Quốc

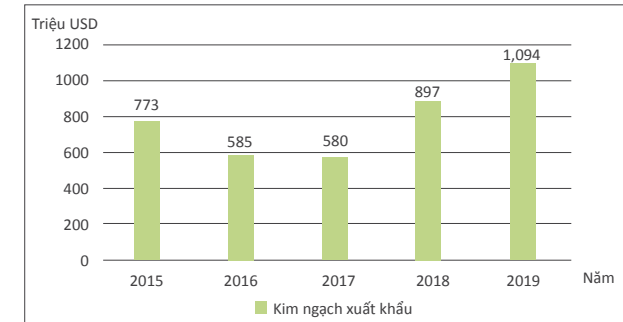


Nguồn: Tổng hợp từ ITC, 2020

4.2. Nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu quả chuối tươi của Trung Quốc

Trung Quốc hiện đang là nước nhập khẩu quả chuối tươi lớn thứ 3 trên thế giới, chiếm 7,3% kim ngạch nhập khẩu toàn thế giới, xếp sau Mỹ (16,8%) và Nga (7,4%). Năm 2019, Trung Quốc nhập khẩu gần 2 tỷ tấn chuối, trị giá hơn 1 tỷ USD, tăng trưởng trong trị giá nhập khẩu chuối hàng năm giai đoạn 2015-2019 là 12%, từ 2018-2019 là 22%, cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng của thị trường thế giới ở mức 4%. (xem chi tiết trong Biểu đồ 21)

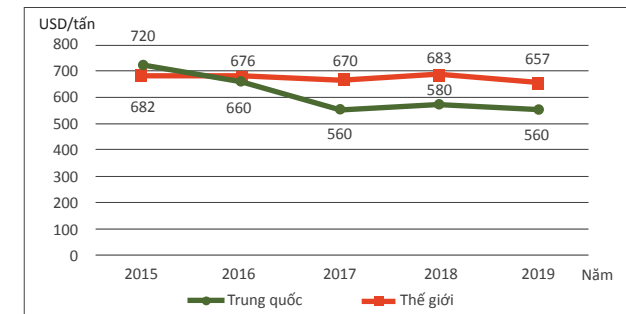
Biểu đồ 21: Kim ngạch nhập khẩu quả chuối (Mã HS: 080390) của Trung Quốc giai đoạn 2015-2019



Nguồn: Tổng hợp từ ITC (2020)

Mặc dù kim ngạch nhập khẩu có sự tăng trưởng, nhưng trong 5 năm vừa qua, giá nhập khẩu bình quân có xu hướng giảm, từ 720 USD/tấn (năm 2015) xuống còn 560 USD/tấn (năm 2019), và đã xuống thấp hơn mức giá bình quân của thị trường thế giới (657 USD/tấn).⁷

Biểu đồ 22: Giá nhập khẩu quả chuối bình quân của Trung Quốc và thế giới giai đoạn 2015-2019

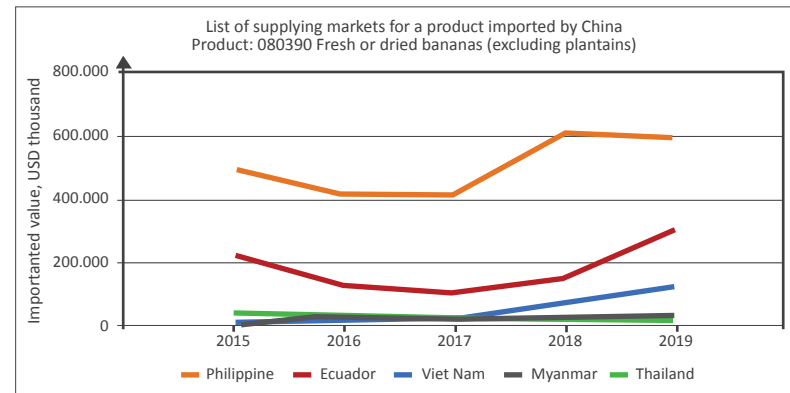


Nguồn: Tổng hợp từ ITC (2020)

(7) Trademap, ITC 2020

Hiện Trung Quốc đang nhập khẩu chuối chủ yếu từ 3 quốc gia Phi-líp-pin, Ê-cu-a-đo và Việt Nam chiếm lần lượt 52,6%, 27,3%, và 11% thị phần tại thị trường Trung Quốc. Tuy nhiên, kể từ năm 2017 đến nay, kim ngạch nhập khẩu từ Phillipines có xu hướng chững lại trong khi kim ngạch nhập khẩu từ Ecuador và Việt Nam có xu hướng tăng nhanh.

Biểu đồ 23: Quốc gia Trung Quốc nhập khẩu chuối nhiều nhất (2015-2019)



Nguồn: Tổng hợp từ ITC (2020)

4.3. Tình hình sản xuất và cung ứng chuối của Việt Nam

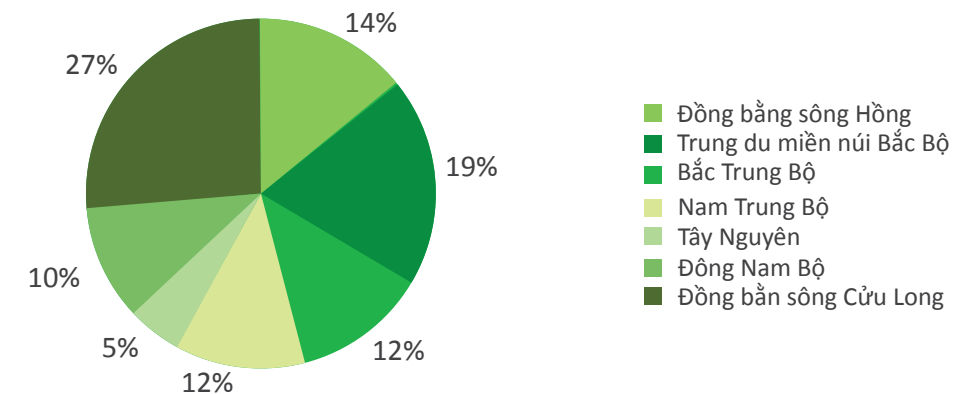
Chuối Việt Nam có diện tích trồng và sản lượng lớn nhất trong sản xuất cây ăn quả nước ta, được trồng nhiều ở các tỉnh từ Bắc vào Nam và có nhiều loại khác nhau. Theo ghi nhận của Trung Tâm Thông Tin Công nghiệp và Thương Mại (VITIC) – Bộ Công Thương năm 2019, diện tích trồng chuối trên 100.000 ha, chiếm hơn 19% tổng diện tích cây trồng ăn quả và sản lượng tiêu thụ trung bình cả nước đạt khoảng 1,4 triệu tấn/năm (bao gồm chuối quả tươi, chuối làm nguyên liệu cho chế biến...). Sản lượng chuối của Việt Nam đứng thứ 14 trên thế giới, chiếm 1,7% thị phần so với các nước (Tridge, 2019).

Bảng 5: Diện tích và sản lượng chuối của Việt Nam

	Năm 2010	Năm 2017	Năm 2019
Diện tích (nghìn ha)	119,0	140,2	149,9
Năng suất (tấn/ha)	15,7	16,3	16,5
Sản lượng (nghìn tấn)	1.660,8	2.062	2.194,2

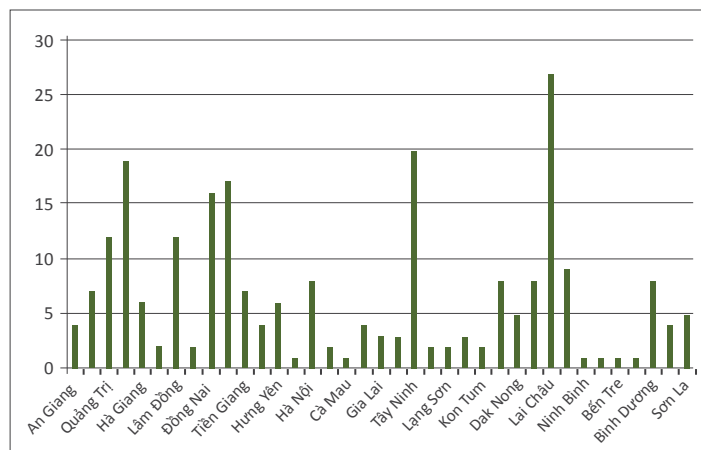
Tuy nhiên, quy mô trồng chuối không tập trung. Vùng đồng bằng sông Cửu Long có diện tích chuối lớn nhất (39,9 nghìn ha, chiếm 26,6% diện tích chuối cả nước; sản lượng đạt 498,1 nghìn tấn, chiếm 22,7% sản lượng cả nước).

Biểu đồ 24: Cơ cấu diện tích trồng chuối tại các vùng ở Việt Nam



Nguồn: Tác giả tự tổng hợp (2020)

Biểu đồ 25: Số lượng vùng trồng chuối được cấp mã số tại các tỉnh



(Nguồn: tác giả tự tổng hợp (7/2020))

Các giống chuối được trồng ở Việt Nam rất đa dạng. Một số giống chuối có diện tích lớn và giá trị kinh tế cao như nhóm chuối tiêu, nhóm chuối tây, chuối bom, chuối Ngổp. Trong đó, nhóm chuối tiêu rất được thị trường Trung Quốc ưa thích. Hiện nay, thị trường có loại giống chuối Laba, đặc sản của Đà Lạt - Lâm Đồng được ưa chuộng vì giá trị xuất khẩu tương đối cao.

Gần đây, việc đưa các giống chuối nuôi cấy mô vào sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao ngày càng phổ biến. Chuối nuôi cấy mô cho sản lượng và hiệu quả kinh tế cao gấp 2-3 lần so với giống chuối truyền thống và có thể thu hoạch sau 10 tháng (sớm hơn chuối trồng bình thường từ 2 - 3 tháng), đặc biệt giống chuối cấy mô sạch bệnh, nhất là những bệnh liên quan đến virus và nấm. Việc đa dạng các giống chuối và nâng cao năng suất trồng chuối đang chứng tỏ đây là mặt hàng rất tiềm năng cho thị trường xuất khẩu và nội địa. Hiện nay, có thêm nhiều doanh nghiệp đầu tư lớn vào cây chuối với các quy trình trồng và thu hoạch, bảo quản theo tiêu chuẩn xuất khẩu.

4.4. Tình hình xuất khẩu chuối quả tươi của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

Trung Quốc là thị trường xuất khẩu chuối lớn nhất của Việt Nam trong nhiều gần đây. Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), từ năm 2015-2019, xuất khẩu chuối của Việt Nam sang Trung Quốc tăng đều qua các năm và chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng kim ngạch nhập khẩu chuối của Trung Quốc. Năm 2019, kim ngạch xuất khẩu chuối của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc là 120.760 nghìn USD, chiếm hơn 87% tổng kim ngạch xuất khẩu chuối của Việt Nam, đáp ứng 11% lượng nhập khẩu của nước này (xem chi tiết trong Bảng 6 dưới đây). Trong vòng 5 năm (2015-2019) giá trị xuất khẩu chuối của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc tăng lên 135% và có xu hướng tăng trưởng tích cực trong giai đoạn tới. Lượng chuối xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tập trung nhiều vào các tháng đầu năm và giảm trong các tháng tiếp theo do nguồn cung nội địa của nước này phục hồi.

Bảng 6: Xuất khẩu chuối (*) của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc 2015-2019

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Kim ngạch xuất khẩu (nghìn USD)	3.805	13.117	24.328	67.677	120.760
Tỷ trọng trong kim ngạch nhập khẩu chuối của Trung Quốc (%)	0,5	2,2	4,2	7,5	11

Nguồn: Tổng hợp từ ITC (2020)

(* Chuối sử dụng HS 080390 gồm chuối tươi, chuối khô, không bao gồm chuối lá)

Xuất khẩu chuối của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc giai đoạn 2015-2019 có sự cải thiện tương đối về giá, tăng 16% từ 375,51 USD/tấn (năm 2015) lên 434,95 USD/tấn (năm 2019). Đây là sự biến đổi tích cực trong khi giá nhập khẩu chuối của Trung Quốc đang trên đà giảm khoảng 6% mỗi năm và giá xuất khẩu chuối năm 2019 của Việt Nam cũng đã giảm sâu đến 13% so với

năm trước đó (500 USD/tấn giảm còn 435USD/tấn). Giá xuất khẩu chuối của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc năm 2019 tương đối thấp so với giá xuất khẩu trung bình của thế giới (giá xuất khẩu chuối của Việt Nam sang Trung Quốc năm 2019 là 435USD/tấn trong khi giá xuất khẩu trung bình của thế giới là 513 tấn/USD) và giá xuất khẩu chuối của Việt Nam xuất sang một số thị trường khác như Nhật Bản là 1.211 USD/tấn, Mỹ là 1.995 USD/tấn, Thụy Sĩ là 4.500 USD/tấn. Nguyên nhân có thể do chuối Việt Nam xuất khẩu còn nhỏ lẻ, manh mún, phần lớn là buôn bán tiểu ngạch nên giá thường bị quyết định đơn phương bởi phía thương lái Trung Quốc sau khi cân nhắc các rủi ro từ việc buôn bán qua các kênh không chính thống. Sự chênh lệch này đang dần được cải thiện do người xuất khẩu ngày càng có những hiểu biết rõ ràng hơn về các quy định, quy trình xuất khẩu với quy mô lớn hơn sang thị trường Trung Quốc theo hướng chính ngạch.

Do vị trí tiếp giáp thuận lợi với các cửa khẩu Hữu Nghị, Tân Thanh (Lạng Sơn), Móng Cái (Quảng Ninh), việc xuất khẩu chuối của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc chủ yếu đi qua con đường tiểu ngạch, thường được làm thủ tục nhập khẩu theo hình thức là sản phẩm mua bán trao đổi của cư dân biên giới và được miễn thuế nhập khẩu. Tuy nhiên, hình thức này phụ thuộc nhiều vào thương lái Trung Quốc, thương nhân Việt Nam dễ bị chèn ép giá bên cạnh tình trạng ùn ứ, ách tắc tại cửa khẩu mỗi khi Trung Quốc ngừng thu mua, tạm đóng cửa khẩu, thay đổi quy định nhập khẩu.



Ảnh: pixabay.com

CHƯƠNG V. QUẢ MĂNG CỤT



5.1. Tình hình sản xuất và tiêu dùng trái măng cụt của thị trường Trung Quốc

Măng cụt là loại trái cây nhiệt đới, không phải bản địa ở Trung Quốc. Hầu hết người dân ở đây đây đều không biết nhiều về cây măng cụt. Ở Trung Quốc chỉ trồng được măng cụt ở một số vùng như Đài Loan, Quảng Đông, Vân Nam, Phúc Kiến. Do thổ nhưỡng không phải phù hợp nhất để phát triển và thời gian phát triển chậm (10 năm mới bắt đầu kết trái) nên diện tích và sản lượng măng cụt nội địa của Trung Quốc khá thấp, chủ yếu dựa vào nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước.

Măng cụt có vị chua ngọt, giá trị dinh dưỡng cao, giúp thanh nhiệt cơ thể, bổ sung vitamin rất được người dân ưa chuộng, thường được sử dụng trực tiếp như các loại trái cây khác sau bữa ăn hoặc có thể sử dụng để chế biến ra nhiều món ăn, thức uống khác. Tuy nhiên, nhìn chung giá măng cụt khá đắt so với các loại trái cây khác, khiến người dùng còn e ngại khi mua.

5.2. Nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu trái măng cụt của Trung Quốc

Măng cụt là loại trái cây cao cấp, hiện tại, măng cụt được bán trên thị trường trong và ngoài Trung Quốc chủ yếu được nhập khẩu từ Malaysia, Thái Lan.

Trong 10 tháng đầu năm 2019, nhập khẩu măng cụt của Trung Quốc đạt 361.000 tấn, tăng 140% so với cùng kỳ năm trước đó. Các thị trường cung cấp măng cụt lớn nhất cho Trung Quốc là Thái Lan đạt 339.000 tấn năm 2019, Indonesia đạt 18.000 tấn và Malaysia đạt 4.000 tấn. Năm 2020, Trung Quốc nhập khẩu 340.000 tấn măng cụt để đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu thụ trong nước. Giá măng cụt năm 2019 vào khoảng 32 NDT/kg (5USD/kg) và giá gần đây đang tăng đều đặn. Giá măng cụt sẽ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như giống, chất lượng, kích cỡ, thời điểm đưa ra thị trường, vùng miền.

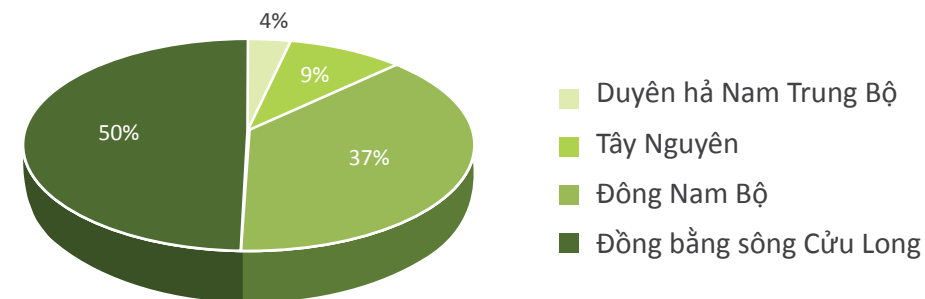
5.3. Tình hình sản xuất và cung ứng măng cụt của Việt Nam

Măng cụt là loại cây ăn trái nhiệt đới, được người tiêu dùng đánh giá cao do hương vị chua và

ngọt thanh, thời gian bảo quản sau thu hoạch lâu, vỏ dày và dễ vận chuyển đi xa. Măng cụt thường được gọi là "Nữ hoàng của các loại trái cây" và thường được ghép với sầu riêng - "Vua của các loại trái cây".

Tổng diện tích trồng măng cụt ở Việt Nam khoảng 6.700 ha, được trồng phổ biến ở 2 vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ với diện tích lần lượt là 3.800 ha và 2.900 ha, cho sản lượng thu hoạch khoảng 26 nghìn tấn và hơn 11 nghìn tấn. Các tỉnh trồng nhiều măng cụt như: Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bình Dương và Đồng Nai.⁸

Biểu đồ 26: Tỷ lệ diện tích trồng măng cụt tại các vùng năm 2019



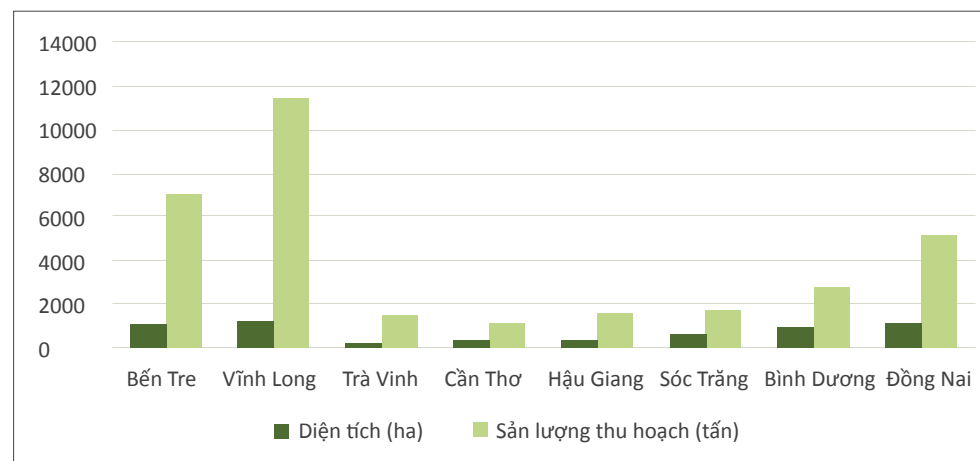
Nguồn: Bộ Nông nghiệp (2020)

Ở khu vực phía Nam, măng cụt thường ra hoa từ tháng 12 đến tháng 2 dương lịch. Thời gian thu hoạch tập trung trong tháng 5 – 6 và thường kết thúc trong tháng 7 – 8. Giá thu mua tại vườn phụ thuộc vào mức độ chín của quả và thời gian thu hoạch của mỗi vườn, thường dao động từ 40.000 - 100.000 đồng/kg.

Hiện nay, măng cụt được tiêu thụ tại thị trường trong nước và phục vụ xuất khẩu. Tuy nhiên, sản lượng thu hoạch chưa đủ để đáp ứng nhu cầu của thị trường do loại cây này yêu cầu về điều kiện khí hậu khá nghiêm ngặt dẫn đến diện tích trồng măng cụt ở Việt Nam còn hạn chế.

(8) Nguồn: Cục Trồng trọt, 2019

Biểu đồ 27: Diện tích và sản lượng măng cụt tại một số tỉnh



Nguồn: Cục bảo vệ thực vật (2020)

Giá trị xuất khẩu măng cụt Việt Nam tăng từ 0,12 triệu USD năm 2010 lên 4 triệu USD năm 2016. Xuất khẩu măng cụt trong 5 tháng đầu năm 2019 đạt trên 140 triệu USD, tăng 146% so với cùng kỳ năm 2018. Đây cũng là mặt hàng xuất khẩu chính đạt tốc độ tăng trưởng mạnh trong 5 tháng đầu năm 2019.

5.4. Tình hình xuất khẩu măng cụt của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

Ngày 26/04/2019, Trung Quốc và Việt Nam đã ký Nghị định thư về mở cửa thị trường cho trái măng cụt. Cuối tháng 08/2019, Bộ Nông nghiệp Trung Quốc công bố các báo cáo liên quan đến kiểm dịch măng cụt Việt Nam đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu.

Tính riêng thị trường Trung Quốc, trong 7 tháng đầu năm 2020, Việt Nam đã xuất khẩu sang thị trường này 37 lô măng cụt với khối lượng 888 tấn.

CHƯƠNG VI. QUẢ MÍT

6.1. Tình hình sản xuất và tiêu dùng mít của thị trường Trung Quốc

Mít thích hợp trồng ở vùng nhiệt đới, trên đất bằng hoặc đồi thấp hơn. Bốn vùng sản xuất mít chính của Trung Quốc là Hải Nam, Quảng Tây, Quảng Đông và Vân Nam, những nơi này ấm hơn và thích hợp hơn cho sự sinh trưởng và phát triển của cây mít.

Theo thống kê sơ bộ hiện tại, diện tích trồng mít của Trung Quốc vào khoảng 6.700 ha, một năm có thể thu hoạch 3 vụ, cho năng suất cao, một vụ có thể hái 26 tấn/cây, và sản lượng hàng năm là hơn 100.000 tấn. Theo FAO, Trung Quốc đang có tham vọng phát triển diện tích mít lên đến 180.000 ha.

Các giống mít đang được trồng nhiều nhất ở Trung Quốc là: mít khô thịt vàng, mít khô thịt trắng, mít số 1 Malaysia, mít thịt đỏ số 8 Thái Lan.

Mít có thị trường tiêu thụ rất lớn ở các thành phố nội địa Trung Quốc. Một hộp mít có giá khoảng 5 nhân dân tệ, nặng khoảng 500g. Giá mít khác biệt theo vùng và thời điểm đưa ra thị trường. Ở những vùng sản xuất chính như Quảng Đông, giá mít thấp hơn, ngược lại càng vào sâu bên trong, giá sẽ càng đắt.

Mít Malaysia được trồng ở Hải Nam bán khá chạy trên thị trường Trung Quốc. Thịt quả có màu vàng. Mùi của giống mít này cũng đủ sức cạnh tranh với sầu riêng. Hơn nữa, tỷ lệ thịt quả có thể lên tới 50% tổng trọng lượng. Trong một số trường hợp đặc biệt, thịt quả chiếm 65% tổng trọng lượng.

6.2. Nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu quả mít tươi của Trung Quốc

Trung Quốc chủ yếu nhập khẩu mít từ Thái Lan và Việt Nam, mít từ Malaysia tuy chất lượng cao hơn nhưng kim ngạch nhập khẩu vẫn đứng sau Việt Nam và Thái Lan. Cách đây 5 năm, người tiêu dùng Trung Quốc còn rất ít biết đến mít. Nhưng hiện nay nhu cầu tiêu thụ mít trên thị trường tăng mạnh và chỉ có ở Chợ trái cây Gia Hưng – trung tâm quan trọng trong phân phối trái cây tươi từ Đông Nam Á như sầu riêng, mít, thanh long, nhãn Các gian hàng bán mít có diện

tích từ 4000-5000 mét vuông, mặc dù sản lượng tiêu thụ rất lớn nhưng hầu hết người tiêu dùng đều mua mít múi đã bóc sẵn ở các siêu thị trái cây, và việc mua cả trái chỉ chiếm 3% -5% tổng lượng tiêu thụ hiện nay.

Năm 2016, tại Chợ trái cây Gia Hưng khối lượng mít trên thị trường là 2.349 tấn; năm 2017 đạt 29.300 tấn, tăng 1247% so với cùng kỳ năm trước; tính đến cuối tháng 12 năm 2018, lượng mít giao dịch trên thị trường đã tăng lên 38.200 tấn, tăng 66%.

6.3. Tình hình sản xuất và cung ứng mít của Việt Nam

Hiện nay, mít được trồng chủ yếu ở khu vực phía Nam. Năm 2018 cả nước có 26.174 ha mít, sản lượng 307.534 tấn. Trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích lớn nhất với 10.105 ha; diện tích thu hoạch 6.396 ha, chiếm 38,6% tổng diện tích và 37,1% sản lượng cả nước năm 2018.

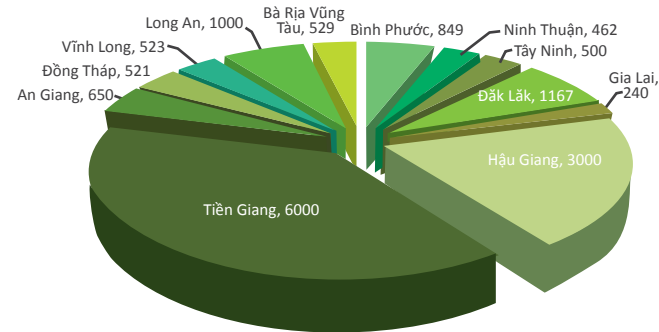
Thời gian gần đây, diện tích trồng mít Thái ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long tăng đến vài chục nghìn héc-ta, nhiều nhất là các tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long, Long An, Hậu Giang, Bến Tre... Riêng khu vực miền Đông Nam Bộ, nhất là Bình Phước, Bình Dương diện tích trồng mít cũng tăng đáng kể. Tổng diện tích trồng mới cả nước trong 2 năm 2017 – 2018 là 5.790 ha. Nếu năm 2017 diện tích trồng mới khoảng 1.654 ha thì sang năm 2018 là 4.134 ha, gấp 2,5 lần năm trước.

Theo thống kê sơ bộ, tính đến thời điểm này, Tiền Giang là tỉnh trồng mít Thái nhiều nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long, tập trung nhiều ở huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành...

Với đặc điểm thời gian kiến thiết cơ bản ngắn, sau trồng từ 12 đến 15 tháng cây mít đã bắt đầu cho quả. Khi cây cho trái ổn định, chăm sóc tốt năng suất trung bình trong thời gian kinh doanh từ 20 đến 25 tấn/ha/năm.

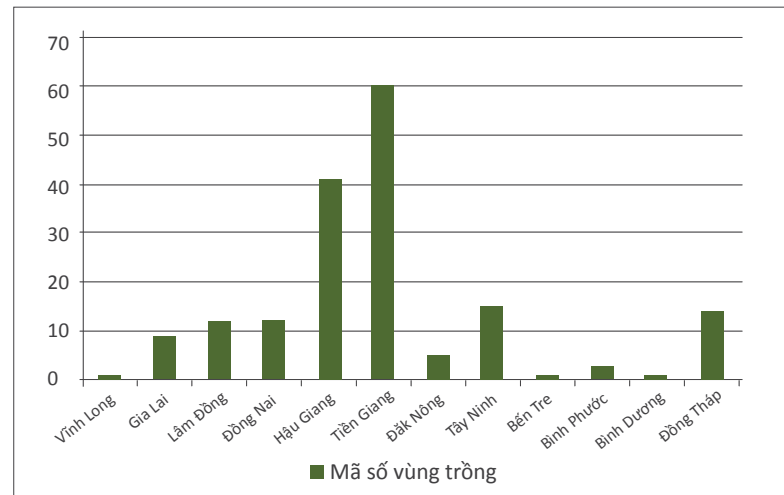
Cây mít cho quả rải vụ quanh năm, song vụ chính ở khu vực phía Nam vào khoảng tháng 6-7. Thời gian từ lúc ra hoa đến lúc quả già khoảng 5 tháng, khi thu hoạch cần căn cứ vào màu sắc quả. Mít có thể để trong 6 tuần ở nhiệt độ 11 – 13oC và ở điều kiện bình thường để được 7 – 10 ngày (Nguồn: FAO Việt Nam).

Biểu đồ 28: Diện tích trồng mít tại một số tỉnh, thành của Việt Nam năm 2019 (đơn vị: ha)



Nguồn: Cục Bảo vệ Thực vật, Bộ NN&PTNT

Biểu đồ 29: Số lượng vườn trồng mít được cấp mã số tại các tỉnh (Nguồn: Cục Bảo vệ thực vật 7/2020)



6.4. Tình hình xuất khẩu mít của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

Mít Thái là loại trái cây được người tiêu dùng ưa chuộng, xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Trung Quốc (chiếm khoảng 90%). Ngoài ra, các doanh nghiệp chế biến cũng thu mua mít để làm sản phẩm sấy khô.

Mít xuất khẩu sang Trung Quốc được phân ra làm 3 loại: Mít loại 1 (từ 9 kg/quả trở lên), mít loại 2 (từ 6 – 8 kg/quả) và mít loại 3 (dưới 5 kg/quả). Giá thu mua mít tại vườn có dao động rất lớn, thông thường từ 20 – 25.000 đồng/kg, tại thời điểm khan hàng, giá mít lên đến trên 50.000 – 70.000 đồng/kg. Tuy nhiên, khi vào mùa thu hoạch rộ do lượng cung vượt cầu, giá mít giảm xuống còn 6.000 – 7.000 đồng/kg.

Theo Bộ NN&PTNT, năm 2019, Việt Nam đã xuất khẩu tổng cộng 1.997 lô mít quả tươi vào thị trường Trung Quốc với tổng khối lượng lên đến 234.134 tấn. Quý I/2019, thương lái Trung Quốc ồ ạt thu mua mít Thái do nhu cầu nội địa tăng mạnh. Lượng cầu tăng đột biến trong khi cung dù tăng nhưng vẫn không đủ đáp ứng khiến giá mít Thái trong khoảng 3 tháng đầu năm 2019 tăng, dao động khoảng 60.000 - 65.000 đồng/kg (cao hơn năm trước hơn 20.000 đồng), có nơi ghi nhận giá tăng đến 80.000 đồng/kg. Sang đến Quý II/2019, thời điểm mít vào mùa thu hoạch, thương lái Trung Quốc dừng thu mua khiến giá mít giảm sâu, còn khoảng 15.000 đồng/kg.

Trong 7 tháng đầu năm 2020, theo số liệu từ Bộ NN&PTNT, Việt Nam đã xuất khẩu 1.354 lô mít với tổng khối lượng 182.212 tấn sang Trung Quốc. Tuy nhiên, nhu cầu thu mua giảm và tình hình dịch bệnh phức tạp khiến giá mít chạm đáy chỉ còn 5.000- 7.000 đồng/kg.



Ảnh: pixabay.com

CHƯƠNG VII. QUẢ NHẪN

7.1. Tình hình sản xuất và tiêu dùng nhãn tươi của thị trường Trung Quốc

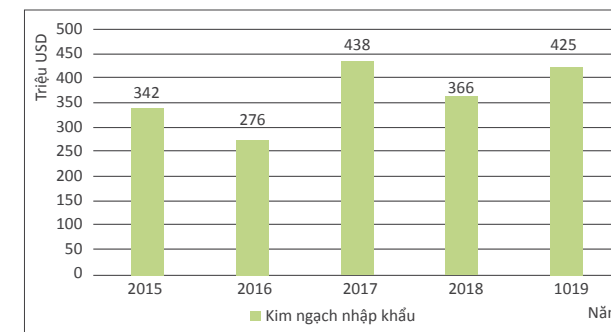
Trung Quốc là quốc gia có diện tích trồng nhãn và sản lượng nhãn lớn nhất thế giới. Nhãn được trồng chủ yếu ở miền Nam và Tây Nam Trung Quốc, trong đó Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến, Đài Loan là vùng sản xuất chính, các tỉnh Hải Nam, Tứ Xuyên, Vân Nam và Quý Châu cũng có diện tích trồng nhãn nhỏ.

Năm 2018, diện tích trồng nhãn của Trung Quốc đạt khoảng 314.900 ha và sản lượng 2,03 triệu tấn. Trong đó, theo thống kê của Sở Nông nghiệp tỉnh Quảng Đông, sản lượng nhãn của Quảng Đông đạt 170.000 tấn, diện tích trồng 138.000 ha đứng đầu cả nước. Sản lượng nhãn của Quảng Tây cũng đạt 100.000 tấn. Quả nhãn Trung Quốc có vụ mùa kéo dài từ cuối tháng 7 đến đầu tháng 10.

7.2. Nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu nhãn tươi của Trung Quốc

Năm 2019, Trung Quốc nhập khẩu gần 406.441 tấn nhãn, trị giá hơn 425 triệu USD, tăng trưởng trong trị giá nhập khẩu nhãn hàng năm giai đoạn 2015-2019 là hơn 24%, giai đoạn 2018-2019 là 16%.

Biểu đồ 30: Kim ngạch nhập khẩu quả nhãn của Trung Quốc giai đoạn 2015 – 2019



Nguồn: Tổng hợp từ ITC (2020)

Hiện Trung Quốc đang nhập khẩu nhãn chủ yếu từ 2 quốc gia Thái Lan và Việt Nam, chiếm lần lượt 83,28% và 16,72% trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhãn của thị trường Trung Quốc năm 2019. Năm 2019, Trung Quốc có xu hướng tăng nhập khẩu từ Thái Lan và giảm nhập khẩu nhãn Việt Nam.

Giá nhập khẩu bình quân có xu hướng tăng, từ 970 USD/tấn (năm 2015) lên 1.040 USD/tấn (năm 2019). Giá nhãn nhập khẩu từ Việt Nam có xu hướng giảm và luôn thấp hơn mức giá bình quân.

7.3. Tình hình sản xuất và cung ứng nhãn của Việt Nam

Do có biến động thị trường tiêu thụ, những năm gần đây, sản lượng nhãn của Việt Nam luôn duy trì ở mức 500 - 550 nghìn tấn/năm, do xu hướng tăng năng suất. Từ năm 2017 diện tích nhãn có xu hướng tăng và đến năm 2019 đạt khoảng 80,5 nghìn ha.

Bảng 7: Diện tích và sản lượng nhãn của Việt Nam giai đoạn 2015 – 2019

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Diện tích (Nghìn ha)	73,3	73,5	75,7	78,7	80,5
Sản lượng (Nghìn tấn)	513,0	503,0	499,3	543,7	527,0
Năng suất (tấn/ha)	7,94	7,87	7,84	8,52	8,05

Nguồn: Tổng Cục thống kê (2020)

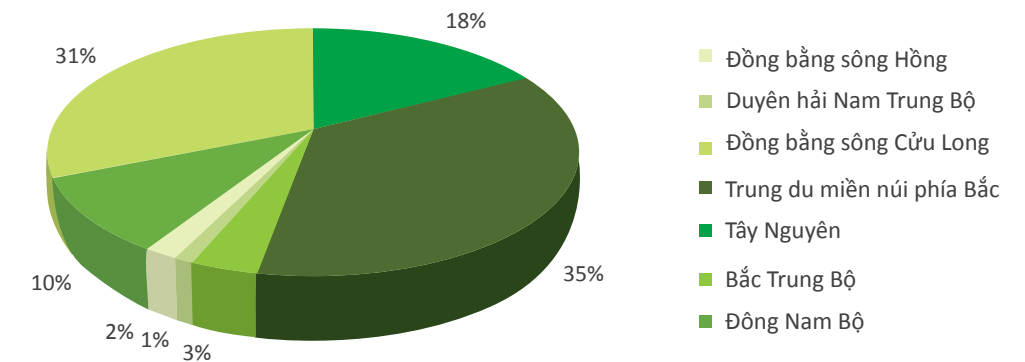
Các vùng trồng được nhãn trên cả nước bao gồm: Đồng bằng sông Hồng, Trung du miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu long. Trong đó, diện tích nhãn khu vực miền Bắc năm 2019 khoảng 45 nghìn ha, chiếm hơn 55,9% diện tích nhãn cả nước với sản lượng 202 nghìn tấn và Sơn La hiện là tỉnh sản xuất nhãn lớn nhất

(9) ITC 2020

(14,6 nghìn ha), tiếp theo là các tỉnh Hưng Yên, Tuyên Quang, Bắc Giang, Hòa Bình, Hải Dương... Ở khu vực miền Nam, diện tích trồng nhãn hơn 35 nghìn ha, sản lượng 325 nghìn tấn. Vĩnh long, Đồng Tháp và Tiền Giang là 3 tỉnh trồng nhãn nhiều nhất ở khu vực này. Năng suất nhãn dao động từ 60,5 – 113,3 tạ/ha tùy từng vùng trồng khác nhau.

Những địa phương có diện tích trồng nhãn quy mô tập trung của Việt Nam đang ngày càng hoàn thiện công nghệ, quy trình sản xuất, tập trung phát triển các vùng trồng nhãn đạt tiêu chuẩn cấp mã số xuất khẩu sang các thị trường nước ngoài.¹⁰

Biểu đồ 32: Cơ cấu diện tích trồng nhãn tại các vùng ở Việt Nam



Nguồn: Cục Trồng trọt (2019)

Nhãn giống hiện nay rất đa dạng về chủng loại như Nhãn tiêu da bò, Nhãn lồng Hưng Yên, nhãn Hương Chi, Nhãn Miền Thiết, nhãn tím Sóc Trăng, nhãn long.....

Nhãn tại các tỉnh phía Bắc có nhiều giống, tuy nhiên tập trung vào các giống Nhãn lồng Hưng yên, nhãn muện Hà tây, nhãn Hương chi, nhãn cùi. Thời gian thu hoạch từ đầu tháng 7 đến trung tuần tháng 8 hàng năm.

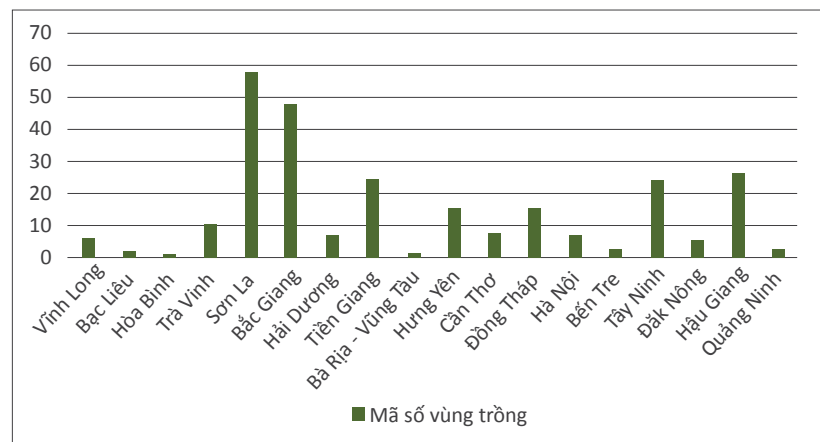
(10) Cục Trồng trọt, 2019

Nhãn tại các tỉnh miền tây gồm Nhãn Ido, nhãn tiêu da bò, nhãn xuồng cơm vàng... Thời gian thu hoạch chính từ tháng 7 đến tháng cuối tháng 9 hàng năm. Tuy nhiên, hiện nay người nông dân miền tây đã áp dụng thành công kỹ thuật xử lý cho nhãn ra quả trái vụ, nên mùa thu hoạch nhãn kéo dài quanh năm.

Cũng như đối với vải, nhãn không thuộc nhóm quả có giá trị xuất khẩu lớn trên thế giới, tuy nhiên vụ thu hoạch nhãn không quá tập trung nên thuận lợi hơn cho tiêu thụ và xuất khẩu.

Ngoài việc tiêu thụ mạnh tại thị trường trong nước, các sản phẩm từ trái nhãn Việt Nam đã được nhiều thị trường lớn và người tiêu dùng trên thế giới biết đến và đón nhận như Trung Quốc, Australia, Mỹ, Singapore, Hàn Quốc, Malaysia, Nhật Bản, Châu Âu, Trung Đông... trong đó Trung Quốc là thị trường nhập khẩu nhãn lớn nhất của Việt Nam (chiếm từ 95 – 98%).

Biểu đồ 33: Số lượng vườn trồng nhãn được cấp mã số tại các tỉnh (năm 2020)



Nguồn: Cục Bảo vệ thực vật, 2020

7.4. Tình hình xuất khẩu nhãn của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

Bảng 8: Xuất khẩu nhãn của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc giai đoạn 2015-2019

	2015	2016	2017	2018	2019
Kim ngạch (nghìn USD)	133.338	143.091	188.987	187.927	70.985
Tỷ trọng (%)	39	51,9	43,2	51,4	16,7

Nguồn: Tổng hợp từ ITC (2020)

Theo số liệu ITC (2020), từ năm 2015-2019, xuất khẩu nhãn Việt Nam sang Trung Quốc có nhiều biến động. Giai đoạn 2015-2017 cả kim ngạch và sản lượng đều ghi nhận sự gia tăng (42% về kim ngạch và 64% về sản lượng). Tuy nhiên, từ 2018 – 2019 ghi nhận kim ngạch và sản lượng đều giảm sâu (cụ thể kim ngạch giảm 62,2%, sản lượng giảm 61%). Xem chi tiết trong Bảng 8 trên. Tỷ trọng trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhãn của Trung Quốc cũng theo đà giảm sâu còn 16,7% (năm 2019), bằng 1/3 so với năm trước đó.

Giá xuất khẩu nhãn Việt Nam sang thị trường Trung Quốc giai đoạn 2015 -2019 có sự biến động không lớn, trung bình đạt 0,56 USD/kg. Mức giá này tương đối thấp so với đối thủ chính là Thái Lan (khoảng 1,34 USD/kg và đang có chiều hướng giảm nhẹ 3-4%). Nguyên nhân có thể do tận dụng vị trí tiếp giáp thuận lợi với các cửa khẩu Hữu Nghị, Tân Thanh, Móng Cái, ... nên nhà xuất khẩu nhãn của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc chủ yếu chọn con đường tiểu ngạch, làm thủ tục nhập khẩu theo hình thức là sản phẩm mua bán trao đổi của cư dân biên giới để được miễn giảm thuế nhập khẩu và thuế VAT nên dễ bị thương lái chèn ép giá. Ngoài ra, nhãn Việt Nam còn gặp khó khăn trong cạnh tranh với nhãn Thái Lan về chất lượng. Theo đó, Thái Lan thay thế trở thành nhà cung cấp nhãn lớn cho Trung Quốc với tốc độ tăng trưởng và thị phần ngày càng cao.

CHƯƠNG VIII. QUẢ THANH LONG

8.1. Tình hình sản xuất và tiêu dùng quả thanh long của thị trường Trung Quốc

Thanh long là loại trái cây rất được ưa chuộng tại thị trường Trung Quốc nhờ hương vị thơm ngọt, và đặc biệt là rất tốt cho sức khỏe. Trong quả thanh long có chứa anthocyanins giúp chống lão hóa, giải độc và làm trắng da. Thanh long thường được ăn tươi, hoặc sấy, làm nước ép, hay làm bánh. Món bánh mì thanh long đang khá phổ biến tại thị trường Trung Quốc trong mấy năm gần đây. Có hai loại thanh long là thanh long ruột đỏ và ruột trắng. Người Trung Quốc ưa chuộng thanh long ruột đỏ hơn, giá của loại ruột đỏ cũng cao hơn ruột trắng.

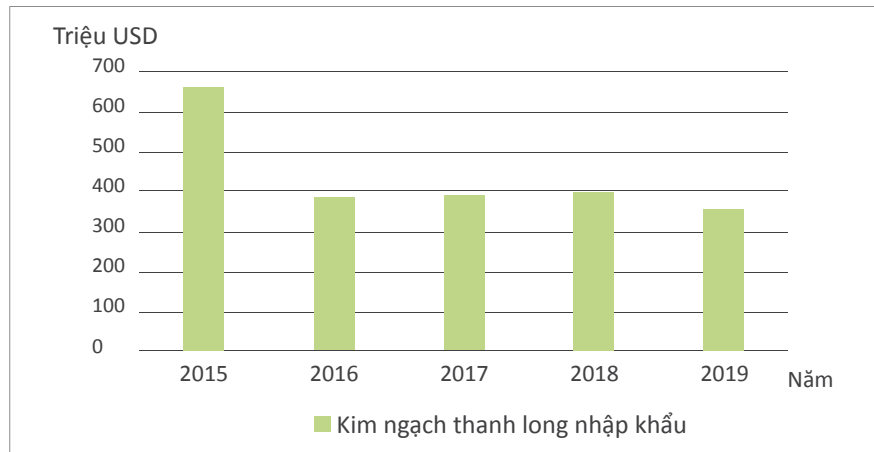
Diện tích các vùng trồng thanh long của Trung Quốc có xu hướng tăng. Diện tích thanh long ở Trung Quốc năm 2017 chỉ là 35.555 ha, tập trung ở các tỉnh phía nam Trung Quốc giáp với Việt Nam như Quảng Tây (10.666 ha), Quảng Đông (8.000 ha), Quý Châu (8.000 ha), Hải Nam (3.333 ha), Vân Nam (2.666 ha) và Phúc Kiến (1.333 ha). Đến tháng 9/2019, diện tích trồng thanh long ở Trung Quốc đã tăng lên đến 60.000 ha.

Về thời gian thu hoạch, trái thanh long tại Trung Quốc bắt đầu được thu hoạch từ khoảng tháng 5 đến tháng 11 hàng năm.

Nguồn cung thanh long tươi cho thị trường Trung Quốc hiện nay chủ yếu từ 2 nguồn chính là thanh long nội địa do Trung Quốc tự trồng và nguồn nhập khẩu từ Việt Nam.

8.2. Nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu quả thanh long tươi của Trung Quốc

Trung Quốc hiện là quốc gia nhập khẩu trái thanh long lớn nhất thế giới. Tuy nhiên, kim ngạch nhập khẩu thanh long của Trung Quốc từ năm 2015 đến nay đang có dấu hiệu chững lại do sự phát triển của sản xuất thanh long trong nước. Năm 2019, kim ngạch thanh long nhập khẩu của Trung Quốc đạt hơn 360 triệu USD, giảm khoảng 8,7% so với năm 2018.

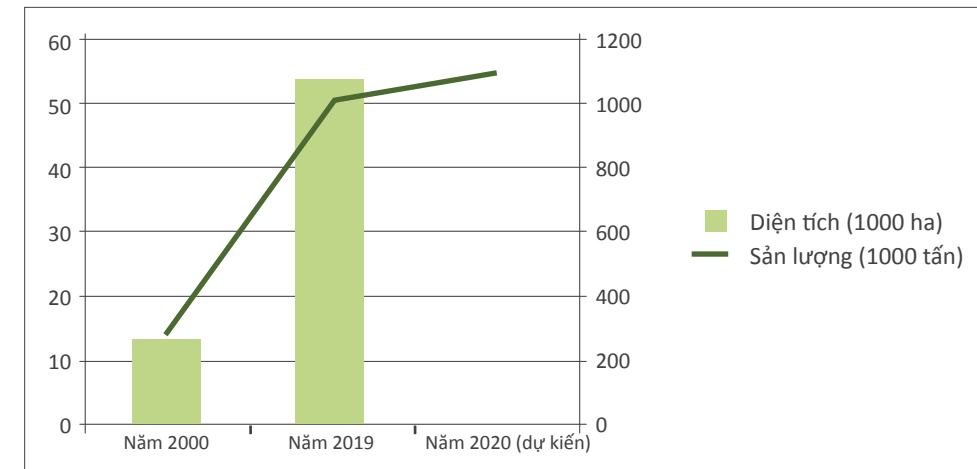
Biểu đồ 34: Kim ngạch thanh long nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 2015 - 2019

Nguồn: ITC (2020)

Trung Quốc nhập khẩu thanh long chủ yếu từ Việt Nam. Năm 2019, Trung Quốc nhập khẩu từ Việt Nam hơn 360 triệu USD thanh long, chiếm gần 100% tổng kim ngạch nhập khẩu thanh long. Ngoài Việt Nam, Trung Quốc cũng nhập khẩu thanh long từ một số quốc gia khác như Đài Loan, Thái Lan, Malaysia, ... nhưng kim ngạch không đáng kể.

8.3. Tình hình sản xuất và cung ứng thanh long của Việt Nam

Trong hai thập kỷ qua, diện tích trồng thanh long và sản lượng liên tục tăng lên rất nhanh (từ 13.400 ha năm 2000 lên 54.000 ha vào năm 2019 và sản lượng từ 282.000 tấn tăng lên 1.016.773 tấn). Đến năm 2020, sản lượng dự kiến đạt 1.100.000 tấn, với 650.000-900.000 tấn dành cho xuất khẩu trái tươi, 200.000-250.000 tấn cho tiêu thụ nội địa và 60.000 tấn cho chế biến. Trong đó, thanh long được trồng tập trung chủ yếu ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Biểu đồ 35: Diện tích trồng thanh long và sản lượng thu hoạch

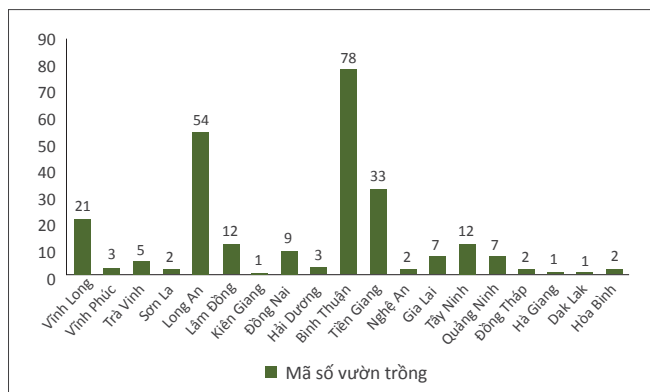
Nguồn: Cục bảo vệ thực vật (2020)

Không giống như các loại cây ăn quả khác ở Việt Nam, thanh long chủ yếu được trồng chuyên canh tập trung ở 3 tỉnh Bình Thuận, Long An và Tiền Giang (số liệu như biểu đồ 37). Tuy nhiên, trong những năm gần đây, thanh long đã được trồng ở nhiều địa phương trong cả nước. Đến năm 2019, đã có 60/63 tỉnh, thành phố trên toàn quốc trồng thanh long.



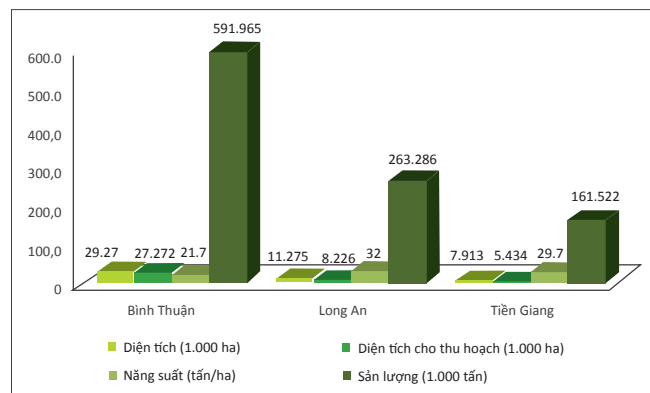
Ảnh: pixabay.com

Biểu đồ 36: Số lượng vùng trồng thanh long được cấp mã số tại các tỉnh



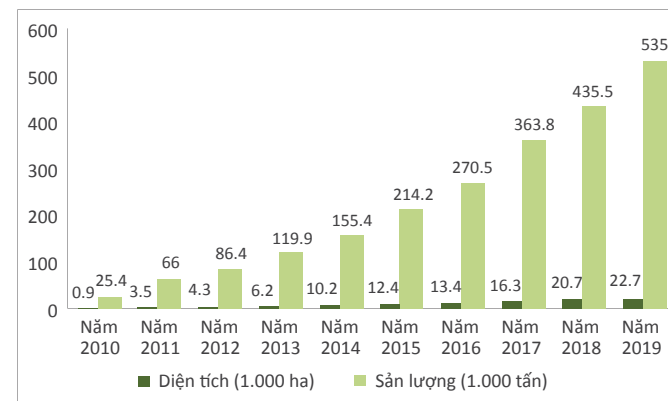
Nguồn: Cục Bảo vệ thực vật, 7/2020

Biểu đồ 37: Số liệu trồng thanh long tại 3 tỉnh Bình Thuận, Long An và Tiền Giang năm 2019



Nguồn: Cục bảo vệ thực vật (2020)

Biểu đồ 38: Diện tích và sản lượng thanh long vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2010 – 2019



Nguồn: Cục bảo vệ thực vật (2020)

Kể từ khi sản xuất thương mại được bắt đầu vào cuối những năm 1980, Việt Nam sớm trở thành quốc gia hàng đầu thế giới về sản xuất và xuất khẩu thanh long. Kim ngạch xuất khẩu năm 2018 đạt 1,1 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt tỷ lệ ấn tượng là 104% kể từ năm 2010. Thanh long luôn là loại nông sản có khối lượng lớn nhất trong số các mặt hàng rau quả xuất khẩu của Việt Nam, chiếm 30% kim ngạch xuất khẩu năm 2018. Cả khối lượng và kim ngạch xuất khẩu đều tăng trưởng liên tục và kim ngạch xuất khẩu đã tăng gấp 20 lần trong tám năm qua.

Khoảng 80% sản lượng thanh long được xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc trong đó xuất khẩu chính ngạch chiếm khoảng 15 - 20%, xuất khẩu tiểu ngạch 80-85%. Thị trường xuất khẩu thanh long lớn nhất của nước ta là Trung Quốc chiếm trên 80%, kể đến là Singapore, Hồng Kông, Indonesia. Gần đây chúng ta đã mở mới thị trường khó tính đầy tiềm năng như Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Mỹ, Úc. Dự báo sản lượng thanh long năm 2020 đạt khoảng 1.000 - 1.100 nghìn tấn, trong đó lượng xuất khẩu đi Trung Quốc đạt 650 - 700 nghìn tấn, lượng tiêu dùng nội địa đạt 200 - 250 nghìn tấn,

lượng xuất khẩu đi các thị trường khác đạt 80 - 100 nghìn tấn, lượng dùng cho công nghiệp chế biến đạt 60 nghìn tấn. Trong tương lai, thanh long Việt Nam sẽ chuyển dịch từ xuất khẩu tiểu ngạch sang xuất khẩu chính ngạch.

Thanh long ruột trắng Việt Nam được đánh giá cao về mẫu mã và chất lượng, có thể sản xuất quanh năm, đặc biệt là sản xuất trái vụ nhờ áp dụng kỹ thuật chong đèn, tăng khả năng cạnh tranh. Bên cạnh giá trị dinh dưỡng, do hình thức và ý nghĩa của tên gọi, tín ngưỡng thờ cúng (người châu Á) nên trái thanh long có thị trường khá tốt.

Cao điểm thu hoạch thanh long của Việt Nam rơi vào tháng 4 đến tháng 8 hàng năm, gần trùng với thời gian thu hoạch thanh long ở hầu hết các tỉnh của Trung Quốc (từ tháng 5 đến tháng 11).

8.4. Tình hình xuất khẩu thanh long của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

Bảng 9: Kim ngạch và tỷ trọng xuất khẩu thanh long tươi của Việt Nam sang Trung Quốc giai đoạn 2015 - 2019

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Kim ngạch xuất khẩu (nghìn USD)	662.656	382.873	389.308	396.368	361.637
Tỷ trọng trong kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc (%)	99,922	99,925	99,947	99,947	99,947

*Nguồn: Tổng hợp từ ITC (2020) (*Thanh long tươi sử dụng HS 08109080)*

Việt Nam là thị trường cung cấp thanh long nhập khẩu lớn nhất của Trung Quốc. Từ năm 2015-2019, xuất khẩu thanh long của Việt Nam sang Trung Quốc ghi nhận theo chiều giảm qua các năm. Năm 2019, kim ngạch xuất khẩu đạt 361.637 nghìn USD, giảm 45,4% so với năm 2015 và giảm 8,8% so với năm 2018. Tuy vậy, thanh long Việt Nam vẫn chiếm tỷ trọng gần như tuyệt đối (99,9%) suốt 5 năm qua trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc cho thấy thị phần

của Việt Nam vẫn rất ổn định. Có thể nhận thấy, việc giảm giá trị xuất khẩu chủ yếu là do thị trường Trung Quốc đang giảm dần nhu cầu nhập khẩu thanh long, thay thế bằng nguồn cung trong nước.

Mức giá xuất khẩu trung bình của thanh long Việt Nam tại Trung Quốc đạt 0,8 USD/kg, tương đối ổn định trong giai đoạn 2015-2019, năm 2019 đạt 0,83 USD/kg. Mức giá này chênh lệch lớn với mức giá 2,4 USD/kg của thanh long Đài Loan xuất khẩu sang Trung Quốc. Thanh long chủ yếu được xuất khẩu sang Trung Quốc qua các cửa khẩu Tân Thanh (Lạng Sơn) - Pò Chài (Quảng Tây), Kim Thành (Lào Cai) - Hà Khẩu (Vân Nam) theo con đường tiểu ngạch, thường được làm thủ tục nhập khẩu theo hình thức là sản phẩm mua bán trao đổi của cư dân biên giới và được miễn thuế nhập khẩu. Tuy vậy, xuất khẩu tiểu ngạch qua các tuyến đường bộ gặp nhiều hạn chế như phụ thuộc chặt chẽ vào thương lái Trung Quốc, vấn đề chèn ép giá, tình trạng ùn ứ, ách tắc tại cửa khẩu mỗi khi Trung Quốc ngừng thu mua, tạm đóng cửa khẩu, thay đổi quy định nhập khẩu.



Ảnh: pixabay.com

CHƯƠNG IX. QUẢ VẢI

9.1. Tình hình và tiêu dùng quả vải tươi của thị trường Trung Quốc

Quả vải là mặt hàng trái cây đứng trong top 5 trái cây nhiệt đới có diện tích trồng trọt lớn nhất Trung Quốc. Quả vải thường được dùng tươi, hoặc sấy khô, làm mứt, bánh kẹo, thuốc, nước ép, ủ rượu.

Vải được trồng tập trung ở 8 tỉnh phía nam Trung Quốc, trồng nhiều nhất ở Quảng Đông, sau đó là Phúc Kiến và Quảng Tây, ngoài ra còn trồng một số lượng nhỏ ở Tứ Xuyên, Vân Nam, Quý Châu và Đài Loan. Năm 2020 ước tính diện tích trồng quả vải của Trung Quốc khoảng 533 nghìn ha (Quảng Đông trồng nhiều nhất với diện tích khoảng 278 nghìn ha, chiếm khoảng 50% tổng diện tích của Trung Quốc). Dự kiến tổng sản lượng quả vải tại Trung Quốc năm 2020 đạt khoảng 2,55 triệu tấn, tăng 11,3% so với 2019 và xấp xỉ sản lượng của năm 2018 (khoảng 2,6 triệu tấn).

Trung Quốc có khoảng 20 giống vải như Tam Nguyệt Hồng, Quý Phi Tiểu, Bạch Đường Anh, Bạch Lạp, Hắc Diệp, Quế Vị, Hoài Chi, Song Quan Tử, Lan Trúc, Linh Sơn Hương Chi, Trần Tía, Mã Quý Lệ... Do điều kiện địa lý và giống vải khác nhau, thời gian thu hoạch cũng khác nhau.

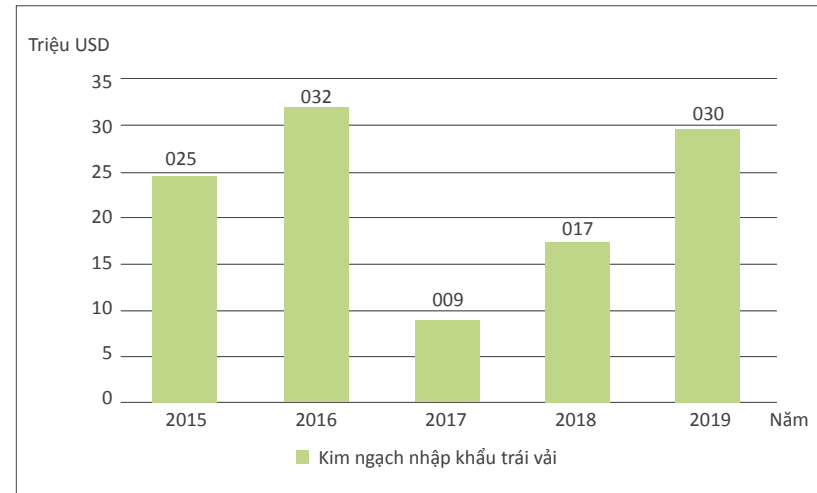
Vụ thu hoạch vải của Trung Quốc kéo dài từ tháng 4 đến tháng 8. Trong đó, khoảng 70% sản lượng vải tươi chính vụ được thu hoạch từ trung tuần tháng 6 đến cuối tháng 7, không lệch quá nhiều so với mùa vải của Việt Nam. Thời điểm chính vụ theo thứ tự ở từng địa phương nước này là Hải Nam, Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến, Vân Nam, Tứ Xuyên, bắt đầu từ cuối tháng 4 đến tháng 9, dù đa số thu hoạch vào tháng 6 và 7.

Về tình hình sản xuất, Trung Quốc là nước sản xuất quả vải lớn nhất thế giới. Hàng năm sản lượng vải tươi của Trung Quốc đạt khoảng 1,55 triệu tấn, chiếm 50% tổng sản lượng trên thế giới, nhưng vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu nội địa. Theo số liệu của Hiệp hội Vải thiều Quảng Đông, 99% lượng vải tươi của Trung Quốc được bán tại nội địa và chỉ khoảng 1% vải tươi được xuất khẩu. Vì vậy, Trung Quốc vẫn phải nhập khẩu vải thiều để đáp ứng nhu cầu trong nước.

9.2. Nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu quả vải của Trung Quốc

Nhập khẩu quả vải tươi (mã HS 08109010) của Trung Quốc trong giai đoạn 2015 – 2019 tăng trưởng với tốc độ bình quân theo trị giá là 4,64%/năm. Trong năm 2019, nhập khẩu vải tươi của Trung Quốc đạt 66,6 nghìn tấn, trị giá 29,77 triệu USD, tăng 104,9% về lượng và tăng 72,2% về trị giá so với năm 2018.

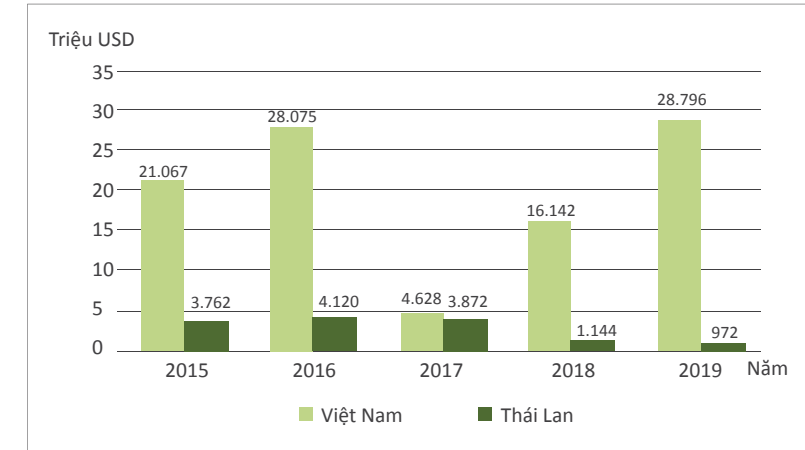
Biểu đồ 39: Kim ngạch nhập khẩu trái vải tươi của Trung Quốc giai đoạn 2015-2019



Nguồn: Tổng hợp từ ITC (2020)

Trung Quốc nhập khẩu quả vải chủ yếu từ 2 thị trường là Việt Nam và Thái Lan. Năm 2019, nhập khẩu quả vải tươi của Trung Quốc từ Việt Nam đạt 65,6 nghìn tấn, trị giá 28,8 triệu USD, tăng 108,4% về lượng và tăng 78,39% về trị giá so với năm 2018. So với Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu quả vải của Thái Lan vào thị trường Trung Quốc là không đáng kể.

Biểu đồ 40: Kim ngạch nhập khẩu trái vải tươi từ Việt Nam và Thái Lan của Trung Quốc giai đoạn 2015-2019 (nguồn ITC 2020)



Nguồn ITC 2020

9.3. Tình hình sản xuất và cung ứng quả vải của Việt Nam

Trên thế giới, Việt Nam có vị trí thứ 3 về sản xuất quả vải (chiếm hơn 10% tổng sản lượng), sau Trung Quốc và Ấn Độ, tiếp theo gồm các nước Madagascar, Đài Loan, Thái Lan, ...

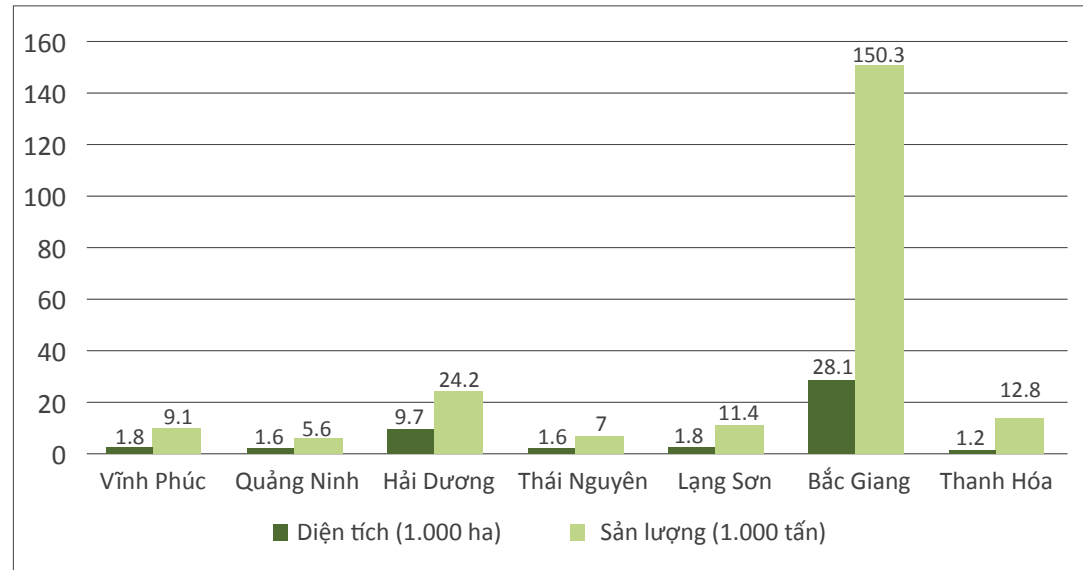
Do yêu cầu chặt chẽ về điều kiện khí hậu để phân hóa mầm hoa, sản xuất vải được phát triển tập trung tại các tỉnh miền Bắc, với 99% diện tích và sản lượng. Các tỉnh sản xuất chủ yếu gồm Bắc Giang, Hải Dương, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Thái Nguyên... riêng 2 tỉnh Bắc Giang, Hải Dương chiếm khoảng 70% diện tích sản xuất.

Sau thời gian tăng trưởng nhanh về diện tích (từ 26 nghìn ha năm 1998 lên hơn 92 nghìn ha năm 2005), từ sau năm 2005 trở lại đây diện tích vải liên tục giảm (từ 92 nghìn ha năm 2005 xuống còn 58,5 nghìn ha hiện nay).

Tuy suy giảm về diện tích, nhưng do ứng dụng rộng rãi tiến bộ kỹ thuật trong điều khiển ra hoa, đậu quả nên năng suất quả vải bình quân được cải thiện rõ, từ mức phổ biến dưới 3 tấn/ha trước năm 2006 lên mức phổ biến trên 5 tấn/ha những năm gần đây, do vậy sản lượng vải khá ổn định, ở mức 250 - 300 nghìn tấn/năm.

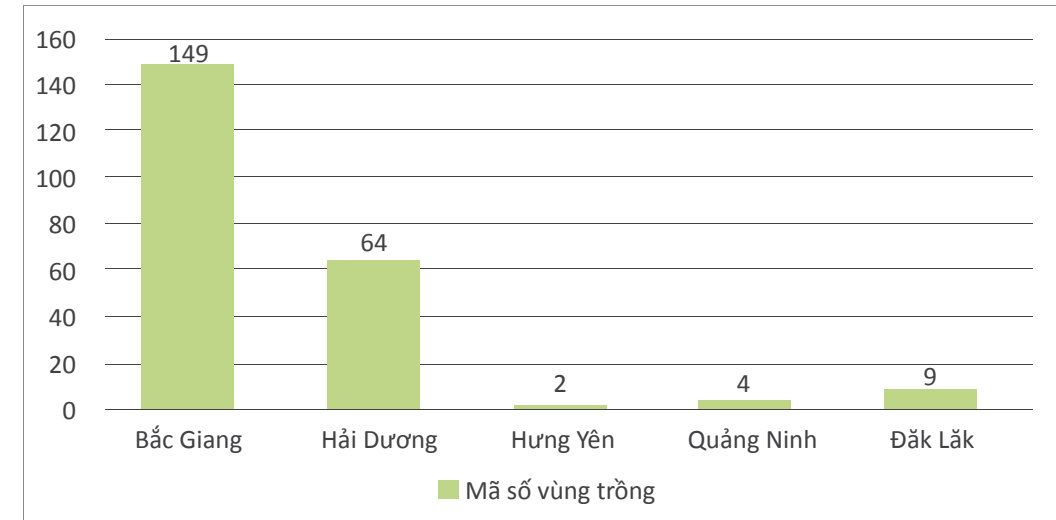
Dự kiến đến năm 2020, diện tích trồng vải cả nước đạt 59,4 nghìn ha, diện tích cho sản phẩm 57 nghìn ha và sản lượng đạt khoảng 250 nghìn tấn. Trong đó, sản lượng vải thiều xuất khẩu chiếm 50% sản lượng, phần còn lại được chế biến (chiếm khoảng 10 – 12%) và tiêu thụ tại thị trường nội địa.

Biểu đồ 41: Diện tích và sản lượng trồng quả vải tại một số địa phương năm 2019



Nguồn: Bộ Nông nghiệp (2019)

Biểu đồ 42: Số lượng vườn trồng vải đã được cấp mã số tại các tỉnh



Nguồn: Cục Bảo vệ thực vật (2020)

Về giống vải: Hiện nay ở Việt Nam có nhiều giống vải, tuy nhiên, tập trung các giống chính:

- Vải chín vụ (vải thiều) chiếm trên 70% diện tích vải của cả nước, thu hoạch tập trung trong tháng 6 hàng năm.
- Vải chín sớm (gồm các giống: U hồng, U trứng, U thâm, Hang Sơn, Tàu Lai, Phúc Hòa...) chiếm khoảng 25% diện tích vải, thu hoạch từ giữa tháng 4 đến đầu tháng 6 hàng năm.
- Nhóm vải chín muộn: chiếm khoảng dưới 5% diện tích, thu hoạch từ cuối tháng 6 đến đầu tháng 7 hàng năm. Nhóm vải chín muộn chủ yếu phục vụ tiêu dùng trong nước vì sản lượng ít và chất lượng không cao.

Về chất lượng và việc kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm cho vải: Từ năm 2016 đến nay, một số vùng trồng vải Hải Dương và Bắc Giang đã được Trung tâm kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu vùng I – Cục Bảo vệ thực vật cấp mã số vùng trồng vải xuất khẩu đi Mỹ, Úc. Tại các vùng trồng vải được cấp mã số, cán bộ kiểm dịch thực vật, cán bộ nông nghiệp từ tỉnh đến cơ sở thường xuyên kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện các quy định đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu Mỹ và Úc.

Bên cạnh đó, nông dân các vùng trồng vải được tập huấn về quy trình Basic GAP, VietGAP, IPM, Global GAP nên nắm vững và thực hiện các quy định về sản xuất an toàn, đảm bảo thời gian cách ly thuốc bảo vệ thực vật theo quy định. Do vậy, tại các vùng được cấp mã số, ngoài sản lượng xuất khẩu đi Mỹ, Úc theo định hướng, các doanh nghiệp và thương lái Trung Quốc ưu tiên thu mua để xuất khẩu đi Trung Quốc vì chất lượng tốt hơn và được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Hiện nay, quả vải của Việt Nam xuất khẩu sang các nước Trung Quốc, Mỹ, Úc, Singapore, Malaysia, Hàn Quốc, Canada, Nhật Bản, Châu Âu... trong đó, thị trường xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc, vải được thương nhân Việt Nam phối hợp với thương nhân Trung Quốc giám sát tại các điểm cân, tiến hành thu mua, đóng gói và xuất khẩu.

9.4. Tình hình xuất khẩu vải của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

Vải của Việt Nam không những được tiêu dùng của cư dân vùng biên giới mà đã vào sâu trong các tỉnh Vân Nam, Trùng Khánh, Tứ Xuyên (theo đường Lào Cai đi Hà Khẩu); Quảng Tây, Nam Ninh, Phúc Kiến, Thượng Hải, Bắc Kinh (theo đường Lạng Sơn).



Ảnh: pixabay.com

Bảng 10: Xuất khẩu vải tươi của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc giai đoạn 2015-2019

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Kim ngạch xuất khẩu (nghìn USD)	21.067	28.075	4.628	16.142	28.796
Tỷ trọng trong kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc (%)	84,84	87,2	54,45	93,38	96,73
Giá xuất khẩu (USD/kg)	0,44	0,43	0,44	0,51	0,44

*Nguồn: Tổng hợp từ ITC (2020) (*Vải tươi sử dụng HS 08109010)*

Từ năm 2015-2019, xuất khẩu quả vải của Việt Nam sang Trung Quốc có xu hướng tăng, trung bình mỗi năm tăng 9,17%. Năm 2019, kim ngạch xuất khẩu vải của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc là 28.796 nghìn USD, chiếm hơn 96% trong tổng kim ngạch nhập khẩu vải của Trung Quốc.

Giá xuất khẩu quả vải của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc giai đoạn 2015-2019 có xu hướng ổn định qua các năm với mức giá trung bình 0,45 USD/kg trong khi mức giá quả vải Trung Quốc nhập khẩu từ thế giới tương đối biến động qua các năm với mức giá trung bình là 0,51 USD/kg, cao hơn so với giá quả vải trung bình Trung Quốc nhập khẩu từ Việt Nam. Tháng 04/2020, giá nhập khẩu bình quân quả vải của Trung Quốc từ Thái Lan ở mức 1,17 USD/kg, trong khi giá nhập khẩu từ Việt Nam ở mức 0,35 USD/kg. Nguyên nhân có thể do vải Việt Nam xuất khẩu còn nhỏ lẻ, manh mún, phần lớn là buôn bán tiểu ngạch nên bị thương lái chèn ép giá. Sự chênh lệch này đang dần được cải thiện do người xuất khẩu ngày càng có những hiểu biết rõ ràng hơn về các quy định, quy trình xuất khẩu với quy mô lớn hơn sang thị trường Trung Quốc theo hướng chính ngạch.